

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
2016



Đồng hành cùng bạn, vươn tới tương lai



PHẦN I – THÔNG TIN CHUNG

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	Trang 04
LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN	Trang 08
THÔNG TIN VỀ CÁC CÔNG TY LIÊN QUAN	Trang 11
CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY	Trang 11
CÁC RỦI RO	Trang 13

PHẦN II – TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Trang 19	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
Trang 24	TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ
Trang 28	TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN DỰ ÁN
Trang 30	TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY
Trang 31	CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

PHẦN III – BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH	Trang 39
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	Trang 40
TRIỂN VỌNG VÀ KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI	Trang 43

PHẦN IV - ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trang 46	ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY
Trang 48	ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TGD
Trang 49	KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT

PHẦN V - QUẢN TRỊ CÔNG TY

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	Trang 50
BAN KIỂM SOÁT	Trang 56
CÁC GIAO DỊCH, THỦ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BGD, BKS	Trang 57

PHẦN VI - BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2016 ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

PHẦN I

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát
 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
 Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
 Định hướng phát triển
 Các rủi ro

1. Thông tin khái quát

Trải qua 27 năm hình thành và phát triển, các thế hệ lãnh đạo và cán bộ công nhân viên Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai (PDN) đã gắn kết một lòng, đặt nền móng và cùng nhau xây dựng một thương hiệu vững mạnh được khẳng định không chỉ bằng niềm tin của khách hàng, mà còn là uy tín với đối tác. Đó là những giá trị kết tinh, là niềm tự hào lớn lao của PDN, tỉnh Đồng Nai và nền kinh tế đất nước.

Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai

Mã cổ phiếu: PDN

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3600334112 (Giấy chứng nhận ĐKKD lần đầu số 4703000301 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 04 tháng 01 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 19 tháng 03 năm 2016)

Vốn điều lệ: 123.479.870.000 đồng

Địa chỉ: 1B-D3 Khu Phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Số điện thoại: 061 3832225

Fax: 061 3831259

Email: info@dongnaiport.com.vn Website: www.dongnai-port.com

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa Quý vị cổ đông!

Lời đầu tiên, thay mặt cho Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai, tôi xin gửi lời chào trân trọng và lời tri ân sâu sắc đến toàn thể Quý vị Cổ đông, những người luôn gắn bó, tin tưởng và đồng hành cùng PDN suốt 27 năm qua.

Năm 2016 đã khép lại cùng với nhiều biến động! Nền kinh tế toàn cầu phục hồi chậm, tăng trưởng kinh tế được các tổ chức quốc tế dự báo chỉ ở mức tương đương với năm 2015, các tổ chức quốc tế cũng liên tục điều chỉnh giảm tốc độ tăng trưởng kinh tế trong những dự báo gần đây, bởi có nhiều dấu hiệu cho thấy tăng trưởng của các nền kinh tế phát triển đã chạm đỉnh, trong khi các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển vẫn chưa thoát đáy. Tuy nhiên xét về tổng thể, kinh tế xã hội nước ta trong năm qua đã ghi nhận những khởi sắc nhất định mặc dù đang đứng trước nhiều khó khăn, bất lợi riêng, dư địa giảm lãi suất rất hạn chế, ảnh hưởng đến khả năng mở rộng sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp cũng như hoạt động đầu tư của khối doanh nghiệp vào nền kinh tế.



Năm 2016 đối với PDN mang một ý nghĩa quan trọng vì là năm đầu tiên thực hiện chiến lược cho nhiệm kỳ mới 2016 – 2020, Công ty đã và đang tập trung phát triển các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi như khai thác cảng và dịch vụ logistics.

Cùng điểm lại những thành tựu đạt được trong năm qua phải kể đến việc Công ty đã triển khai thành công các dự án mở rộng thêm 2,5ha bãi tại khu vực Long Bình Tân và tiếp tục thi công 7,0ha bãi tại khu vực Cảng Gò Dầu, đầu tư thêm các trang thiết bị cần thiết cho hoạt động khai thác, tăng cường thêm dịch vụ liên quan đến các mảng khai thác container, logistics, hoạt động cho thuê kho bãi phục vụ lưu trữ, đóng rút hàng với mục đích hoàn thiện hóa chuỗi dịch vụ cung

ứng, đưa vào áp dụng thực tiễn phần mềm Portal, ERP hỗ trợ các hoạt động quản trị công ty, tái cấu trúc bộ máy nhân sự nhằm nâng cao năng suất lao động.

Ngoài những kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh đột phá so với những năm qua, PDN còn được bình chọn là một trong **118** doanh nghiệp niêm yết đạt chuẩn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, và là doanh nghiệp có hoạt động IR (quan hệ cổ đông) tốt nhất năm 2016 do Hiệp hội và Vietstock đồng tổ chức. Cùng với sự hỗ trợ không ngừng của Quý cổ đông, Quý khách hàng, Quý cơ quan hữu quan, PDN sẽ tiếp tục phát huy những thành quả có được và luôn tin tưởng vào một tương lai thành công cho những năm tiếp theo.

Định hướng năm 2016 – 2020 là giai đoạn “*Nắm bắt cơ hội – Vươn tầm cao mới*”, tiếp nối những thành quả tốt đẹp của năm vừa qua chính là năm 2017 với nhiều cơ hội và thách thức, PDN sẽ tiếp tục đẩy mạnh hoạt động kinh doanh cốt lõi khai thác cảng và dịch vụ logistics, không ngừng gia tăng giá trị doanh nghiệp, giữ vững và phát triển thị phần, mạng lưới, tối ưu hóa quy trình sản xuất và chất lượng dịch vụ, mang đến cho khách hàng, đối tác, Quý vị cổ đông và các bên hữu quan những giá trị vững bền vì sự phát triển chung của PDN và xã hội.

Xin kính chúc Quý vị cổ đông cùng gia đình sức khỏe, hạnh phúc và thành công!

Trân trọng!

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Trần Thanh Hải



Tâm nhìn

Sứ mệnh

Mang lại chuỗi cung ứng tốt nhất cho khách hàng, lợi ích bền vững cho nhà đầu tư.
Hoạt động hiệu quả, an toàn, môi trường làm việc chuyên nghiệp và thân thiện.
Cảng Đồng Nai nỗ lực vì sự phát triển kinh tế, góp phần xây dựng tỉnh Đồng Nai theo hướng Công nghiệp hóa – Hiện đại hóa.

Hướng tới sản lượng
hai mươi triệu tấn xấp dỡ
vào năm 2020



Trách nhiệm – Hợp tác – Hành động
– Ảnh hưởng tích cực – Đạt mục tiêu

Khẩu hiệu

Đồng hành cùng bạn, vươn tới tương lai

Quá trình tăng vốn

Năm phát hành	Các lần tăng vốn	VĐL tăng thêm (tỷ đồng)	VĐL lũy kế (tỷ đồng)	Hình thức tăng vốn
2006	34.990	-	34.990	-
02/2008	34.990	14.010	49.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu
06/2008	49.000	2.450	51.450	Cổ phiếu thưởng
11/2010	51.450	30.870	82.320	Cổ phiếu thưởng và phát hành cho cổ đông hiện hữu
08/2014	82.320	41.160	123.480	Tăng vốn từ nguồn vốn CSH

Quá trình hình thành và phát triển

1989	- Tháng 06/1989: UBND Tỉnh Đồng Nai quyết định thành lập Cảng Đồng Nai
1994	- Tháng 08/1994: Cảng chính thức ký hợp đồng với Công ty UIC vay 150 nghìn USD để xây dựng 30m cầu cảng 5.000DWT tại Cảng Gò Dầu khu A - Tháng 10/1994: Ký kết với Công ty LD VT-Gas thuê bãi 20 năm trả trước 10 năm lấy vốn đầu tư xây dựng Cảng
1995	- Tháng 06/1995: UBND Tỉnh Đồng Nai quyết định thành lập DN Nhà nước Tỉnh Đồng Nai theo Nghị định 388-HĐBT ngày 20/11/1991 - Khánh thành kho hàng 1.500m ² đầu tiên của Cảng Đồng Nai - Khởi công xây dựng 1,2km đường vào Cảng Gò Dầu Khu A - Nhận và triển khai công tác bồi thường Cảng Gò Dầu Khu B
1996	- Khởi công Dự án nghiên cứu cải tạo đoạn cong luồng vào Cảng Gò Dầu tạo điều kiện xây cầu 15.000DWT - Bắt đầu đàm phán với tập đoàn Shell VN để nhận ứng vốn 1 triệu USD đầu tư xây dựng cầu cảng và mở rộng bãi tại Cảng Gò Dầu Khu B
1997	- Tháng 03/1997: Ký hợp đồng khởi công 30m cầu B1 phân đoạn cầu cảng 15.000DWT và mở rộng bãi tại Cảng Gò Dầu khu B
1998	- Đàm phán với nhà đầu tư Công ty phân bón Việt Nhật JVF để nhận ứng vốn 1,5 triệu USD đầu tư xây dựng cầu cảng 12.000DWT tại Cảng Gò Dầu Khu B
2005	- Tháng 05/2005: Ký kết hợp đồng với Công ty TPC Vina vay vốn 1,5 triệu USD xây dựng cầu cảng B3 Tại Gò Dầu Khu B để đón tàu 15.000DWT - Tháng 12/2005: Cảng Đồng Nai tổ chức Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai
2006	- Tháng 01/2006: Cảng Đồng Nai chính thức chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000301 do Sở Kế hoạch & Đầu Tư Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu, vốn điều lệ đăng ký 49.000.000.000 đồng - Tháng 05/2006: Hoàn thành đưa vào sử dụng bến B3 thuộc Cảng Gò Dầu Khu B với tổng chiều dài 105m, tiếp nhận tàu có

	trọng tải đến 15.000DWT
2007	- Tháng 05/2007: Hoàn thành bến A3 thuộc Cảng Gò Dầu Khu A với tổng chiều dài 110m, tiếp nhận tàu có trọng tải 10.000DWT
2008	- Tháng 10/2008: Khánh thành cầu A3, mở rộng, hoàn chỉnh hệ thống cầu cảng Gò Dầu Khu A cho tàu 10.000DWT
2009	- Xây dựng Cảng Container 5.000DWT tại Long Bình Tân và mua 2 cầu Liebherr để tác nghiệp hàng hóa
2010	- Tháng 02/2010: Khánh thành hệ thống cầu cảng Container LBT
2011	- Tháng 10/2011: Hoàn thành tuyến đường vào Cảng Container Long Bình Tân
	- Tháng 10/2011: Cổ phiếu Công ty CP Cảng Đồng Nai chính thức được niêm yết trên sàn chứng khoán HOSE
2012	- Sản lượng Container đạt mốc 100.000Teus sau 01 năm đưa vào khai thác
2013	- Được UBND Tỉnh Đồng Nai tôn vinh là Doanh nghiệp hoàn thành tốt nhiệm vụ
	- Hệ thống kho CFS được chính thức đưa vào hoạt động
	- Khởi công xây dựng cầu cảng 3.000DWT tại Long Bình Tân
2014	- Tháng 09/2014: Khởi công xây dựng cầu cảng 30.000DWT tại Cảng Gò Dầu
	- Kho ngoại quan được cấp phép hoạt động
	- Sản lượng xếp dỡ đạt 3.494.504 tấn, 255.709 teus; Tổng doanh thu đạt 273.096.000.000 đồng; tăng 30% so cùng kỳ, tăng 182% so với năm 2010
2015	- Đưa vào hoạt động bến 3.000DWT và kho 5.000m ² tại Cảng Long Bình Tân
	- Đưa vào khai thác 9,3ha bãi tại Gò Dầu
	- Tháng 09/2015: Khánh thành và đưa vào hoạt động bến tàu 30.000DWT tại Cảng Gò Dầu Khu B
2016	- Đại hội đồng cổ đông bầu Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 3 – Giai đoạn 2016 - 2020
	- Đầu tư thiết bị cầu Macgregor tải trọng 40T, tầm với 36m và các thiết bị kèm theo (phễu, gầu) tại khu vực Gò Dầu
	- Đưa vào khai thác 2,5 ha bãi tại khu vực Long Bình Tân
	- Triển khai thi công 7,0 ha bãi tại khu vực Gò Dầu

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh

Dịch vụ kho bãi

Dịch vụ ICD, xếp dỡ, kiểm đếm, đóng rút, lưu trữ, giao nhận hàng hóa

Dịch vụ giao nhận door to door nội địa

Dịch vụ logistics và khai thuê hải quan

Dịch vụ vận tải hàng hóa thủy bộ, vận tải đa phương thức

Dịch vụ sửa chữa khác

Địa bàn kinh doanh

PDN đang cung cấp các dịch vụ cho khách hàng chủ yếu tại khu vực Đồng Nai, Bà Rịa – Vũng Tàu, TP.HCM, Lâm Đồng, Bình Thuận, Bình Dương

3. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh Nghiệp hiện hành và Điều lệ tổ chức và hoạt động được Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua ngày 15/03/2016. PDN có cơ cấu tổ chức như sau:

Sơ đồ tổ chức Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai

(Cập nhật đến 31/12/2016)



Các công ty con, công ty liên kết

STT	Công ty liên kết	Lĩnh vực	Vốn điều lệ	Tỷ lệ vốn góp của PDN
1	Công ty CP Cảng Long Thành. Địa chỉ: KCN Gò Dầu, Xã Phước Thái, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai	Khai thác dịch vụ, hạ tầng cảng biển và xếp dỡ hàng hóa	9.150.000.000	30%
2	Công ty CP Dịch vụ Cảng Đồng Nai. Địa chỉ: Phường Long Bình Tân, Biên Hòa, Đồng Nai	Kinh doanh dịch vụ xếp dỡ, xăng dầu, vận tải...	30.000.000.000	45%

4. Định hướng phát triển

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Khai thác Cảng là mục tiêu cốt lõi của PDN. Hiện tại, PDN đang hình thành và phát triển cơ sở hạ tầng, kho bãi, đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh hướng tới việc tăng cường hoạt động trong chuỗi cung ứng logistics trải dài từ Bắc vào Nam, các thành phố lớn và các vùng kinh tế trọng điểm

Chuyên nghiệp hóa đội ngũ lãnh đạo nhằm định hướng đường lối chiến lược và điều hành tốt hoạt động sản xuất kinh doanh của PDN, nâng cao tay nghề và quán triệt tinh thần phục vụ khách hàng cho toàn thể cán bộ công nhân viên

Đầu tư máy móc, trang thiết bị hiện đại, ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý, điều phối hàng hóa, container, kho bãi...gia tăng hiệu quả khai thác và tiết kiệm chi phí

Nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm gia tăng năng lực cạnh tranh, đáp ứng nhu cầu khách hàng và tạo ra nền tảng tối ưu hóa năng suất lợi nhuận

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Xây dựng, phát triển thương hiệu PDN, tích hợp các dịch vụ về logistics gồm: vận tải đường thủy, vận tải đường bộ, phát triển các dịch vụ hỗ trợ nhằm cung cấp cho khách hàng các giải pháp logistics tích hợp, toàn diện trên phạm vi cả nước

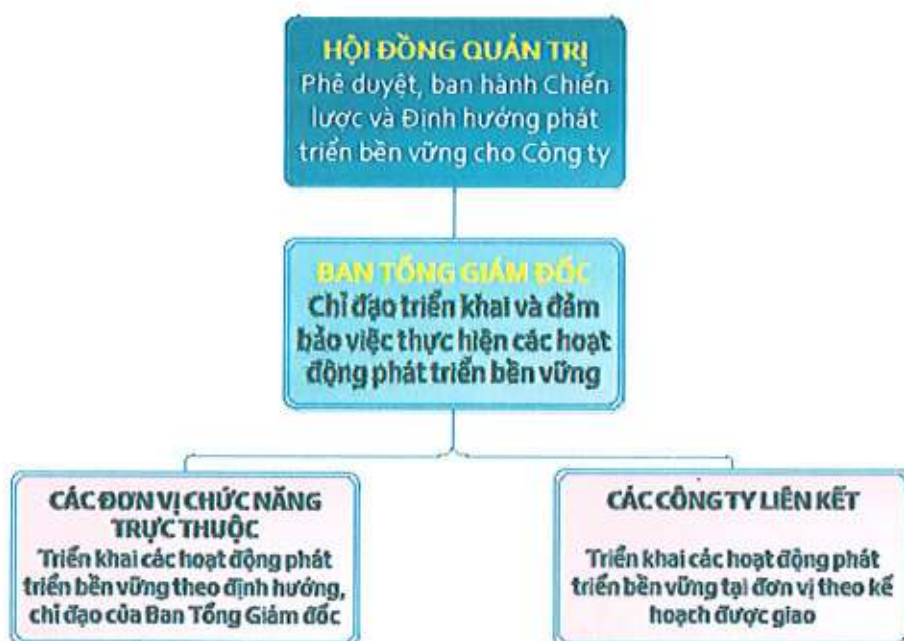
Hoàn thiện cơ sở hạ tầng, đầu tư phương tiện xếp dỡ theo hướng hiện đại hóa

đảm bảo mục tiêu sản xuất và chất lượng dịch vụ

Hướng tới mục tiêu sản lượng hàng hóa khai thác đạt 20 triệu tấn vào năm 2020

Mục tiêu phát triển bền vững và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn

Môi trường làm việc trong cảng biển luôn ẩn chứa nhiều nguy cơ mất an toàn liên quan đến hoạt động khác nhau như giao thông, sử dụng điện, làm việc trên cao và đặc biệt là hoạt động nâng hạ hàng hóa, vốn là một hoạt động cốt lõi của Cảng. Để đảm bảo tăng trưởng và tăng trưởng bền vững, song song với việc cải thiện các chỉ số về khai thác và chất lượng dịch vụ xếp dỡ, Công ty đặc biệt quan tâm đến công tác bảo vệ sức khỏe và an toàn cho người lao động. Bởi vì con người là vốn quý và Công ty luôn xem người lao động là tài sản lớn nhất



Để có thể bảo vệ tốt nhất cho người lao động, Công ty chúng tôi luôn tìm kiếm và hướng tới các giải pháp quản lý an toàn hiệu quả. Một trong những cách làm mà Công ty chúng tôi cho rằng rất hữu ích đối với công tác an toàn là tìm kiếm cơ hội học hỏi và chia sẻ, trao đổi kinh nghiệm giữa các tổ chức hoạt động cùng ngành nghề hoặc công việc có tính tương đồng nhau

Môi trường

Sử dụng hiệu quả và bền vững tài nguyên đất khai thác

Giảm thiểu ô nhiễm không khí trong quá trình hoạt động

Quản lý tốt chất thải rắn và chất thải nguy hại

Khai thác hợp lý, bảo vệ môi trường nước và sử dụng bền vững tài nguyên nước

Xã hội

Phát triển bền vững tại các vùng và địa phương

Duy trì tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững

Thay đổi mô hình sản xuất theo hướng thân thiện với môi trường

Cộng đồng

Tiếp tục tạo thêm việc làm cho người lao động

Nâng cao trình độ nghề nghiệp, phù hợp với yêu cầu của công ty vì sự nghiệp phát triển đất nước

Nỗ lực tham gia các chương trình xã hội để xoá đói, giảm nghèo, đẩy mạnh thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội

Phát triển về số lượng và nâng cao chất lượng các dịch vụ chăm sóc sức khoẻ, cải thiện điều kiện lao động và vệ sinh môi trường sống

5. Các rủi ro

PDN kiên định với mục tiêu tập trung vào các hoạt động kinh doanh cốt lõi là khai thác cảng và dịch vụ logistics, cùng với việc đầu tư có chọn lọc nhằm tối ưu hóa hiệu quả hoạt động

Rủi ro

Kiểm soát, quản lý rủi ro năm 2016

Rủi ro cạnh tranh

Mức độ cạnh tranh trên thị trường ngày càng khốc liệt, đối thủ cạnh tranh ngày càng tăng về số lượng, lớn mạnh về quy

Cập nhật chiến lược phát triển chung của công ty, xác định vị thế đơn vị trong công ty để có chính sách ưu tiên, đầu tư, định hướng cho phù hợp

Tham dự các khóa tập huấn đào tạo về Luật, Hiệp định,...

Hiểu và thực hiện đúng, linh hoạt các quy định, chính sách, chủ động cân đối, điều chỉnh các chính sách liên quan

Rủi ro xâm phạm an ninh công nghệ thông tin

Các tội phạm CNTT tấn công và xâm phạm an ninh dữ liệu kinh doanh và dữ liệu khách hàng làm gián đoạn hoạt động sản xuất kinh doanh

Thực hiện lưu trữ bảo mật tài liệu

Kiểm tra bảo dưỡng định kỳ trang thiết bị công nghệ

Cập nhật các công cụ bảo mật thông tin mới để nâng cấp, áp dụng

Nhanh chóng phòng vệ khi có cảnh báo từ các cơ quan quản lý chức năng về an ninh mạng

Rủi ro bất ngờ trong việc quản lý và vận hành thiết bị phục vụ SXKD

Xảy ra tai nạn, đâm va gây thiệt hại về con người, hàng hóa, tài sản hoặc gây gián đoạn hoạt động SXKD

Mua bảo hiểm cho tài sản

Xây dựng đội ngũ nhân sự quản lý, vận hành chuyên nghiệp

Kiểm tra bảo dưỡng định kỳ tài sản

Cập nhật kịp thời các dự báo về môi trường, thời tiết,...

Cập nhật kịp thời các quy định và tuân thủ chặt chẽ các chính sách, quy định về hàng hải, an toàn hàng hải, chính sách hàng hải trong nước và quốc tế

Rủi ro dự án

Hiện nay PDN đang trong giai đoạn tiếp tục triển khai, hoàn chỉnh các hạng mục công trình nên một trong những khó khăn mà PDN phải đối mặt là vấn đề tiến độ thực hiện công trình mà đây hoàn toàn phụ thuộc vào việc đền bù giải tỏa và tái định cư cho người dân tại khu vực, do có

Cập nhật kịp thời chính sách về giá đất đai để đưa ra mức giá đền bù phù hợp cho người dân.

Rà soát và yêu cầu các nhà thầu xây dựng thực hiện đúng tiến độ công trình để sớm đưa các hạng mục công trình đi vào khai thác, hạn chế thấp nhất các công trình dở dang kéo dài ảnh hưởng kế hoạch khai thác và phát sinh chi phí do biến động giá cả vật tư..., xúc tiến mạnh mẽ công tác đền bù và xây lấp mặt bằng các dự án

sự thay đổi về giá đất đai	đã được duyệt để đẩy nhanh tiến độ đấu thầu, thi công và đưa vào khai thác kịp tiến độ nhằm hạn chế việc bỏ lỡ cơ hội kinh doanh
----------------------------	--

Rủi ro về môi trường

Các sự cố do con người hoặc thiên nhiên gây ra ảnh hưởng đến môi trường xung quanh như: ô nhiễm không khí, ô nhiễm môi trường nước (sự cố dầu tràn)	Lập và đưa quy trình sản xuất áp dụng thực tế vào hoạt động khai thác tránh phát sinh những rủi ro như: dầu tràn, giảm thiểu tình trạng xe trung chuyển hàng hóa quá tải gây rơi vãi bụi trên đường và ô nhiễm không khí
---	--

Định kỳ kiểm tra môi trường nước và không khí tránh ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động và môi trường xung quanh

Rủi ro khác

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn .v.v... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người nói chung và hoạt động của PDN	Để hạn chế rủi ro này công ty đã và sẽ mua bảo hiểm vật chất cho các tài sản tham gia trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh
--	---

Quản trị chung các rủi ro

Để công tác quản trị rủi ro có một hành lang hoạt động thông thoáng, phối hợp nhịp nhàng với các đơn vị, các quy chế quản trị rủi ro đã được ban hành. Theo đó, bộ phận quản trị rủi ro thường xuyên nắm bắt, cập nhật các vấn đề phát sinh tại đơn vị và nhanh chóng xây dựng, triển khai quy trình kiểm soát quản lý rủi ro, nhiệm vụ cụ thể:

Rà soát, góp ý để hoàn thiện quy trình sản xuất kinh doanh của từng đơn vị

Tiến hành kiểm soát nội bộ định kỳ và đột xuất nhằm giảm thiểu chi phí bất hợp lý; giảm thất thoát để tăng hiệu quả hoạt động

Phối hợp với đơn vị phân tích hiệu quả và lựa chọn phương án kinh doanh phù hợp trước khi triển khai

Rà soát, theo dõi kết quả thực hiện của từng đơn vị, cảnh báo các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng hoàn thành mục tiêu, đánh giá và kiến nghị biện pháp xử lý những tồn tại

Để giảm thiểu các rủi ro trên, ngoài việc mua các loại bảo hiểm rủi ro trong quá trình khai thác cảng, Công ty đang nỗ lực trong việc giải phóng hàng hóa nhanh

cho khách hàng, cải cách thủ tục giao nhận hàng tại Công ty để rút ngắn thời gian chờ đợi cho khách hàng, thiết lập quan hệ hợp tác với các đối tác chiến lược, các nhà thầu vận tải, kinh doanh khai thác cảng, tạo thành chuỗi cung ứng dịch vụ khép kín để đưa hàng hóa từ kho nhà máy của khách hàng về đến cảng đích của nơi nhận hàng và phát huy lợi thế về vị trí địa lý thuận lợi gần các khu công nghiệp

PHẦN II

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty



1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình chung

Trong năm 2016, tình hình kinh tế thế giới nói chung có nhiều diễn biến tích cực, triển vọng tăng trưởng của ngành cảng biển khả quan hơn đặc biệt trong những tháng cuối năm. Theo tính toán của chuyên gia chứng khoán, một số cổ phiếu có khả năng tăng trưởng cao nhờ sở hữu ở vị trí đắc địa và có kế hoạch mở rộng công suất. Nguồn vốn FDI chảy vào các lĩnh vực xuất khẩu sẽ gia tăng nhu cầu các dịch vụ kho bãi, bốc dỡ và vận chuyển

Cũng trong năm qua, cơ sở hạ tầng tại Việt Nam đang được đẩy mạnh đầu tư. Việc chính phủ cho phép các doanh nghiệp nhà nước thoái vốn và chỉ nắm quyền kiểm soát tại một số cảng đã đẩy mạnh việc tham gia của khu vực tư nhân vào lĩnh vực cảng biển, do vậy kỳ vọng là cơ sở hạ tầng cảng biển sẽ được hoàn thiện và hiệu suất sẽ được cải thiện hơn. Ngoài ra việc siết chặt tải trọng phương tiện đường bộ theo quy định của chính phủ tạo nên sự gia tăng nhu cầu vận tải bằng đường biển

Thực tế cho thấy ngành khai thác cảng được xem là ngành dịch vụ phụ trợ cho nền kinh tế. Do vậy, tương ứng khi kinh tế phát triển, nhu cầu luân chuyển hàng hóa gia tăng sẽ là động lực chính cho tiềm năng phát triển ngành. Ngành khai thác cảng ở Việt Nam hiện nay phần lớn chỉ phát triển ở mức độ là cảng trung chuyển quốc tế, hàng hóa sau khi rời cảng sẽ được tập kết ở một cảng quốc tế khác trong khu vực để vận tải viễn dương. Tuy nhiên, tình hình kinh tế cụ thể vẫn còn nhiều bất cập, tình trạng dư thừa công suất đặc biệt nghiêm trọng tại khu vực Cái Mép – Thị Vải và Hiệp Phước, trong khi khu vực Cảng Cát Lái luôn quá tải và ùn tắc. Mặt khác, các cảng trung chuyển nội địa bao gồm Cảng Đồng Nai hoạt động tương đối ổn định và phát triển đồng bộ với các khu công nghiệp lân cận

Hoạt động kinh doanh của Cảng Đồng Nai

Đồng Nai là địa bàn có quá trình hội nhập, phát triển công nghiệp sớm và mạnh mẽ ở miền Đông Nam Bộ. Sự hình thành và phát triển của Cảng Đồng Nai đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ trung chuyển hàng hóa đến các nhà máy tọa lạc trong các khu công nghiệp (KCN) của tỉnh nhà. Cảng Đồng Nai có 02 chính nhánh cảng trực thuộc: Cảng Long Bình Tân và Cảng Gò Dầu.



Cảng Long Bình Tân

Có diện tích 178.000 m² gồm 03 cầu cảng với tổng chiều dài cầu trên 244m và khả năng tiếp nhận tàu có trọng tải đến 5.000DWT, hoạt động chủ yếu là khai thác container, hàng tổng hợp, dịch vụ kho, bãi. Hàng hóa thông qua Cảng Long Bình Tân chủ yếu là vật liệu xây dựng, đường, thức ăn gia súc chuyển đến từ các đơn vị sản xuất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, Bình Dương, Lâm Đồng, Bình Thuận. Cảng có diện tích bãi chứa container hàng và rỗng là 112.000m², riêng hệ thống kho được đầu tư trên diện tích 23.000m² chuyên cho thuê/ đóng rút hàng hóa

Cảng Long Bình Tân được chính thức chuyển đổi công năng từ khai thác hàng tổng hợp sang container kể từ cuối năm 2011. Đến năm 2016, sản lượng hàng tổng hợp thông qua Cảng Long Bình Tân đạt **795** ngàn tấn/năm, sản lượng container đạt **374** ngàn teu/năm

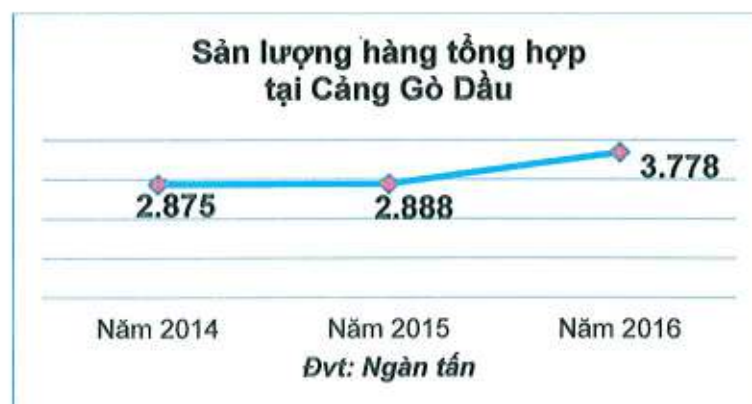
Định hướng phát triển trong năm 2017, khu vực Cảng Long Bình Tân sẽ được tiếp tục đầu tư mở rộng hệ thống kho bãi, củng cố chất lượng dịch vụ và gia tăng hoạt động trong chuỗi cung ứng logistics



Cảng Gò Dầu

Có diện tích 549.400m² gồm 06 cầu cảng với tổng chiều dài cầu trên 782m và khả năng tiếp nhận tàu lớn nhất lên đến 30.000DWT, hoạt động chính là xếp dỡ hàng tổng hợp, dịch vụ kho, bãi, hàng hóa thông qua cảng chủ yếu là than đá, nguyên vật liệu để sản xuất vật liệu xây dựng, phân bón và hóa chất. Diện tích kho 8.000m² cũng đang được mở rộng và nâng cấp, dự kiến hoàn thiện và đưa vào hoạt động trong năm 2017, đáp ứng lượng hàng xếp dỡ thông qua Cảng ngày càng gia tăng.

Trong năm 2016, Cảng Gò Dầu chính thức đưa vào hoạt động cầu ray Macgregor sức nâng 40 tấn tác nghiệp hàng hóa tại bến tàu 30.000DWT, đáp ứng nhu cầu xếp dỡ hàng hóa tại cầu cảng, phục vụ cho hoạt động của các đơn vị đang thuê mặt bằng tại Cảng Gò Dầu, các cơ sở sản xuất thuộc khu công nghiệp Gò Dầu, các khu công nghiệp lân cận và phục vụ cho hoạt động của nhà máy Alumin Tân Rai Lâm Đồng. Đây cũng là bước đi phù hợp với qui hoạch chi tiết nhóm cảng biển số 5 đã được phê duyệt (Cảng Gò Dầu khu B được qui hoạch cho tàu 15.000 đến 30.000DWT) và qui mô tuyến luồng tàu biển Vũng Tàu - Thị Vải đoạn tại khu vực Gò Dầu cho tàu trọng tải đến 30.000DWT.



Tỉnh Đồng Nai được đánh giá là nơi “đắc địa”, có hệ thống giao thông đường bộ và đường thủy khá thuận lợi cho ngành khai thác cảng và dịch vụ logistics. Để bắt kịp tốc độ phát triển kinh tế nhanh của thị trường, trong năm 2017 Cảng Đồng Nai tiếp tục thực hiện chiến lược liên kết hỗ trợ chính sách giá, thủ tục và phân khúc chuỗi dịch vụ, hướng đến mục tiêu hoàn thiện chuỗi dịch vụ trọn gói, đồng thời nâng cao sức cạnh tranh để thực hiện trọn vẹn cam kết đối với khách hàng và đối tác về việc thực hiện dịch vụ cảng biển nhanh chóng, an toàn, tiết kiệm và chuyên nghiệp trong tương lai.

Sau 27 năm hình thành và phát triển cùng với hai khu vực Cảng Long Bình Tân và Cảng Gò Dầu tọa lạc tại vị trí chiến lược cả thủy và bộ, Cảng Đồng Nai đã nhanh chóng vươn lên trở thành đối tác chiến lược của nhiều hãng tàu và được biết đến là địa chỉ kết nối hiệu quả, tiết kiệm chi phí của nhiều khách hàng trong tỉnh Đồng Nai và khu vực Đông Nam bộ. Hiện khách hàng, đối tác của Cảng Đồng Nai bao gồm các thương hiệu lớn như: KMTTC, APL, VINAFCO, MAERSK LINE, GEMADEPT, TPC VINA, TAICERA ...

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016

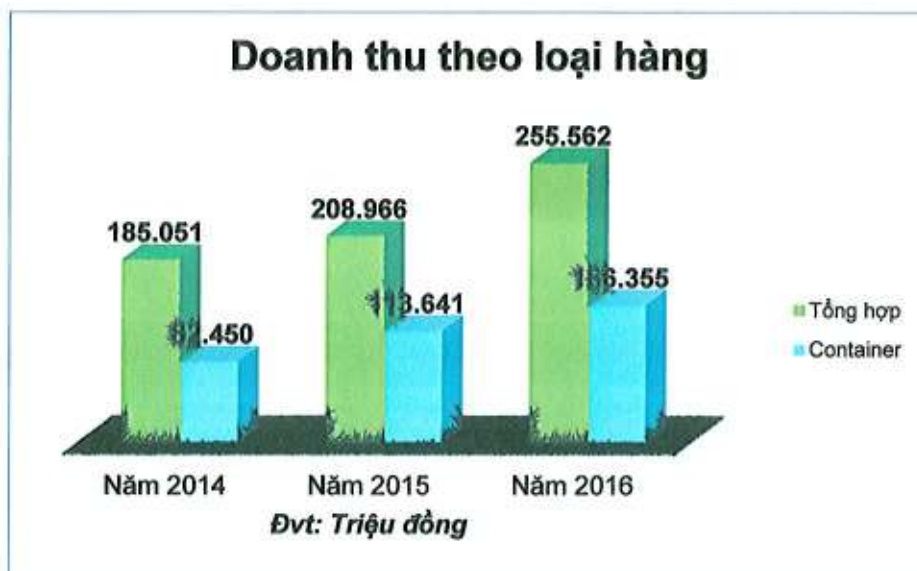
ST T	Các chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch giao	Kết quả đạt được	Tỷ lệ % So với kế hoạch	Tỷ lệ % So với cùng kỳ 2015
1	Tổng doanh thu	Tr đồng	352.000	428.569	121,75	127,27
2	Lợi nhuận trước thuế	Tr đồng	55.000	69.620	126,6	128,9
3	Nộp ngân sách (số phải nộp)	Tr đồng	14.200	21.640	152,4	331,04
4	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế /vốn CSH 2016	%	21,32	28,32	132,8	116,8
5	Cổ tức dự kiến	%	19	22	115,7	129,4
6	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	đ/cp	-	4.989	-	128,8
7	Tổng vốn đầu tư XDCB	Tr đồng	90.000	62.862	69,85	38,83

Doanh thu

Trong năm 2016, tổng doanh thu toàn công ty đạt **428.569** triệu đồng, vượt **21,75%** so kế hoạch đề ra, tăng trưởng **27,27%** so với năm 2015. Các mảng kinh doanh của công ty đều có mức tăng trưởng cao, trong đó:

Doanh thu từ mảng khai thác hàng tổng hợp (bao gồm doanh thu xếp dỡ hàng tổng hợp, doanh thu bãi và kho hàng) đạt **255.562** triệu đồng, tăng **22,3%** so với năm 2015, chiếm **59,6%** trong cơ cấu doanh thu.

Doanh thu từ mảng khai thác container đạt **166.355** triệu đồng, tăng **46%** so với năm 2015, chiếm **38,8%** trong cơ cấu doanh thu. Đây là mảng kinh doanh được đưa vào hoạt động từ cuối năm 2011, cho đến nay đã đạt được thành công và có tốc độ tăng trưởng tốt.



Nhìn chung, mô hình kinh doanh khai thác của PDN còn mang tính truyền thống thuần túy, chưa tiếp cận được nhiều với nhu cầu trong chuỗi cung ứng của khách hàng. Bên cạnh đó, tốc độ đầu tư trang thiết bị đang được triển khai tích cực nhưng vẫn chưa đáp ứng sự phát triển của thị trường. Cơ sở hạ tầng giao thông đang được đầu tư nhằm rút ngắn thời gian vận chuyển đường bộ từ các KCN ở Đồng Nai đến các cảng nước sâu, điều này làm giảm giá trị chuỗi vận chuyển bằng sà lan mà công ty đang cung cấp, gây ảnh hưởng đến hoạt động của PDN

Lợi nhuận

Lợi nhuận trước thuế cả năm 2016 đạt **69.620** triệu đồng, vượt **26,6%** so với kế hoạch và tăng trưởng **28,9%** so với cùng kỳ năm 2015.

2. Tổ chức và nhân sự

Thành viên Ban điều hành

	<p>ÔNG NGUYỄN NGỌC TUẤN Tổng Giám đốc</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ 1995 – 1996 Nhân viên Điều độ Phân Cảng Gò Dầu – thuộc Cảng ĐN ▪ 1996 – 04/1998 Cán bộ phụ trách Thương vụ Cảng Đồng Nai ▪ 04/1998 – 12/1998 Cán bộ phụ trách phòng thương vụ Cảng Đồng Nai ▪ 12/1998 – 2000 Phó phòng thương vụ Cảng Đồng Nai. ▪ 2000 – 2005 Trưởng phòng khai thác thương vụ Cảng Đồng Nai ▪ 2006 – 08/2007 Thành viên HĐQT, Trưởng phòng khai thác – Điều độ Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai ▪ 09/2007 – 08/2009 Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Cảng Đồng Nai ▪ 09/2009 – 2/2012 trợ lý Tổng Giám đốc kiêm Trưởng Phòng Khai thác container Công ty CP Cảng Đồng Nai ▪ 3/2012 – 3/2016: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh Công ty CP Cảng Đồng Nai ▪ 03/2016 – Nay: Tổng Giám đốc Công ty CP Cảng Đồng Nai <p><i>Tỷ lệ sở hữu cổ phần do công ty phát hành (cá nhân): 0,456%;</i></p>
	<p>ÔNG ĐỖ VĂN SÂM Phó Tổng Giám đốc</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ 1982 – 1989 Cán bộ kỹ thuật Sở Giao thông Vận tải Đồng Nai ▪ 1989 – 1996 Cán bộ kỹ thuật Cảng Đồng Nai

	<ul style="list-style-type: none"> ▪ 1997 – 2000 Trưởng phòng Kế hoạch-Kỹ thuật Cảng Đồng Nai ▪ 2000 – 2005 Phó Giám Đốc Cảng Đồng Nai ▪ 2006 – 6/2010 Phó chủ tịch HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Cảng Đồng Nai ▪ 7/2010 – 3/2016 Chủ tịch HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Kỹ thuật và nội chính Công ty CP Cảng Đồng Nai ▪ 3/2016 – Nay Phó Chủ tịch HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Cảng Đồng Nai <p>☞ Tỷ lệ sở hữu cổ phần do công ty phát hành (cá nhân): 0,46%; đại diện Tổng Công ty CP Phát triển KCN 10%</p>
	<p>ÔNG TRẦN VĂN NGUYỄN Phó Tổng Giám đốc</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Từ 1999 – 2001: Nhân viên Công ty XD GT Sài Gòn ▪ Từ 2001 – 2003: Nhân viên Công ty TNHH TV XD Việt Hưng ▪ Từ 2003 – 2010: Trưởng BQL Dự án Khu quản lý đường bộ - đường thủy Đồng Nai ▪ Từ 2010 – 2015: Trưởng BQL Dự án Tổng Công ty CP Phát triển KCN ▪ Từ 01/2016 đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty CP Cảng Đồng Nai
	<p>ÔNG HUỖNH NGỌC TUẤN Kế toán trưởng</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ 06/1995 – 09/2005: nhân viên kế toán, xuất nhập khẩu Công ty May Công nghiệp Đồng Nai ▪ 10/2005 – 11/2006: nhân viên kế toán Cảng Gò Dầu B – Công ty CP Cảng Đồng Nai ▪ 12/2006 – 27/04/2011: Trưởng ban tài vụ Cảng Gò Dầu B – Công ty CP Cảng Đồng Nai ▪ 28/04/2011 – 10/2011: Thành viên HĐQT, Trưởng ban tài vụ Cảng Gò Dầu B – Công ty CP Cảng Đồng Nai ▪ 10/2011 – 12/2015: Thành viên HĐQT, Phó phòng Tài chính kế toán Công ty CP Cảng Đồng Nai ▪ 12/2015 – Nay: Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng,

	<p>Trưởng phòng Tài chính Kế toán Công ty CP Cảng Đồng Nai</p> <p>☛ Tỷ lệ sở hữu cổ phần do công ty phát hành (cá nhân): 0,02%; đại diện Tổng Công ty CP Phát triển KCN 10%</p>
--	---

Sự thay đổi trong Ban điều hành

Trong năm 2016, HĐQT đã ban hành Nghị Quyết như sau:

Nghị quyết số 03/2016/NQ-HĐQT ngày 05/01/2016 về việc bổ nhiệm ông Trần Văn Nguyên giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Cảng Đồng Nai

Nghị quyết số 25/2016/NQ-HĐQT ngày 24/03/2016 về việc miễn nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc đối với bà Nguyễn Thị Bạch Mai. HĐQT đã bổ nhiệm ông Nguyễn Ngọc Tuấn giữ chức vụ Tổng Giám đốc điều hành thay thế bà Nguyễn Thị Bạch Mai

Số lượng cán bộ, nhân viên

Tính đến thời điểm ngày 31/12/2016, tổng số lao động của Công ty là **257** người, phân theo cơ cấu như sau:



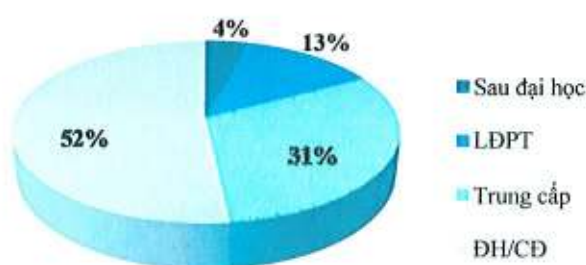
257

NGƯỜI

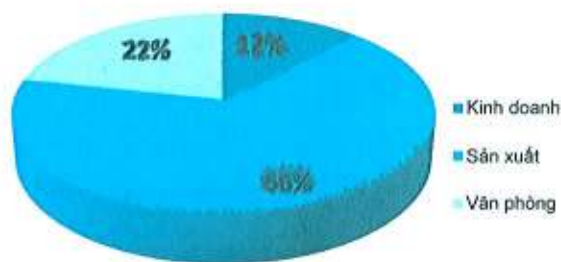
Tổng số CB-CNV của PDN

tính đến 31/12/2016

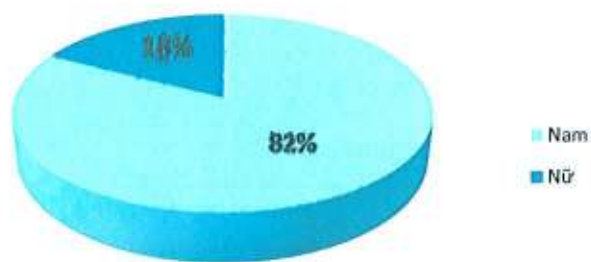
Cơ cấu trình độ CB-CNV



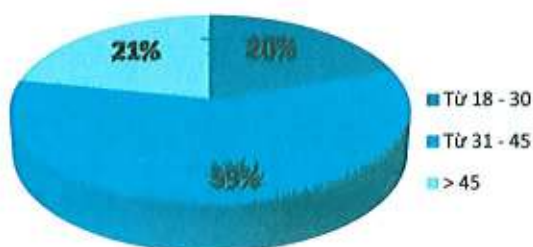
Cơ cấu nhân sự theo chức năng



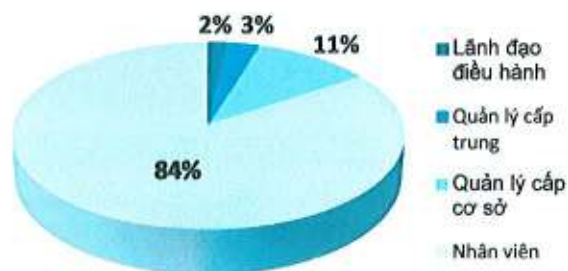
Cơ cấu nhân sự theo giới tính



Cơ cấu nhân sự theo độ tuổi



Cơ cấu nhân sự theo cấp quản lý



Chính sách đối với người lao động

Là đơn vị hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ, yếu tố con người luôn được Công ty chú trọng đầu tư. Bên cạnh chế độ đãi ngộ với mức thu nhập hấp dẫn, Công ty luôn tạo môi trường làm việc năng động, sáng tạo nhằm khai thác tối đa năng lực của CB-CNV, góp phần vào sự thành công của Công ty

Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của Nhà nước về chế độ, chính sách đối với người lao động như: Bảo hiểm Xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, chế độ nghỉ phép, chế độ nghỉ dưỡng sức – phục hồi sức khỏe... Ngoài ra, Công ty còn áp dụng một số chế độ, chính sách riêng nhằm thu hút, thúc đẩy và tạo sự gắn bó lâu dài của Người lao động với Công ty như: Chế độ trợ cấp khó khăn thường xuyên và đột xuất, chế độ du lịch, thăm quan, nghỉ mát, chế độ khám sức khỏe định kỳ...

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a. Tình hình thực hiện các dự án lớn trong công ty

Khu vực Long Bình Tân

Trong năm 2016 Công ty triển khai thực hiện các dự án như:

Dự án mở rộng Cảng Đồng Nai giai đoạn 1 (3,0ha)

- Tổng mức đầu tư: 126,824,000,000 đồng
- Nguồn vốn đầu tư: Vốn tự có + vốn vay
- Tiến độ thực hiện Dự án: năm 2012 đã đưa vào khai thác chính thức. Dự kiến năm 2017 đầu tư 01 bến tàu 3.000DWT

Dự án mở rộng Cảng Đồng Nai giai đoạn 2A (9,18ha)

- Mục tiêu của Dự án: Đầu tư xây dựng Cảng Đồng Nai giai đoạn 2
- Tổng mức đầu tư: 438.557.369.000 đồng
- Nguồn vốn đầu tư: Vốn tự có + vốn vay
- Tiến độ thực hiện:
 - o Năm 2014: Đã hoàn thành công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng được 5ha/9,18ha
 - o Năm 2015: Hoàn thành công tác đền bù, giải phóng mặt bằng; Đầu tư xây dựng đường bãi, nhà kho, kè bảo vệ bờ, các công trình hạ tầng kỹ thuật
 - o Năm 2016: Đầu tư san lấp mặt bằng phần diện tích còn lại (4ha/9,18ha) xây dựng bãi, nhà kho, kè bảo vệ bờ, hệ thống thoát nước, hệ thống điện chiếu sáng

Dự án mở rộng Cảng Đồng Nai giai đoạn 2B (5,53ha)

- Nguồn vốn đầu tư: Vốn tự có + vốn vay
- Tiến độ thực hiện: Công ty đang triển khai các thủ tục để xin cấp giấy chứng nhận đầu tư

Dự án mở rộng Cảng Đồng Nai giai đoạn 3

Công ty đang triển khai các thủ tục xin giới thiệu địa điểm

Khu vực Gò Dầu

Dự án Cảng Gò Dầu B giai đoạn 2

- Tổng mức đầu tư: 318.213.147.000 đồng
- Nguồn vốn đầu tư: Vốn tự có + vốn vay

- Tiến độ thực hiện:
 - o Bắt đầu đưa dự án vào khai thác năm từ năm 2015
 - o Năm 2016 tiếp tục thi công bãi cấp phối sỏi đờ bãi số 4 (diện tích 2,7 ha) trong quý 4/2016 và chuyển tiếp sang tháng 01/2017
 - o Đấu thầu hoàn thành và đang triển khai thi công bãi cấp phối sỏi đờ 4ha (Bãi số 5)

Dự án giai đoạn 1 Cảng Gò Dầu B

- Mục tiêu của Dự án: điều chỉnh Dự án Giai đoạn 1 Cảng Gò Dầu B
- Tổng mức đầu tư: 423.579.581.000 đồng
- Nguồn vốn đầu tư: Vốn tự có + vốn vay
- Tiến độ thực hiện:
 - o Tháng 9/2015 đưa vào khai thác chính thức bến tàu 30.000DWT
 - o Quý 3/2016 triển khai chọn nhà thầu thi công mặt đường nội bộ và hoàn thành thi công điều độ cho cầu B4

Dự án Cảng tổng hợp Gò Dầu

Công ty đang thỏa thuận địa điểm đầu tư

b. Tình hình hoạt động và tài chính của các Công ty liên kết

Công ty CP Cảng Long Thành và Công ty CP Dịch vụ Cảng Đồng Nai là các Công ty liên kết hoạt động trong lĩnh vực xếp dỡ, vận tải, kinh doanh xăng dầu. Trong năm 2016 tình hình hoạt động của các Công ty tiếp tục khả quan hơn so với năm trước

Doanh thu và Lợi nhuận trước thuế của Công ty CP Cảng Long Thành lần lượt là **16,9** tỷ đồng (tăng **29,7%** so cùng kỳ) và **6,46** tỷ đồng (tăng **25,5%** so cùng kỳ)

Doanh thu và Lợi nhuận trước thuế của Công ty CP Dịch vụ Cảng Đồng Nai lần lượt là **90,434** tỷ đồng (tăng **17,5%** so cùng kỳ) và **5,811** tỷ đồng (tăng **28,5%** so cùng kỳ)

Công ty nắm giữ trên 50% vốn điều lệ

Tổng Công ty CP Phát triển Khu Công Nghiệp: Số lượng **6.297.480** cổ phần (chiếm tỷ lệ 51% vốn điều lệ của PDN)

Tình hình đầu tư dài hạn vào Công ty khác

PDN đã đầu tư **7.000.000.000** đồng vào Công ty CP Sonadezi Châu Đức. Địa chỉ: Xã Suối Nghệ, Huyện Châu Đức, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm X - 1	Năm X	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	643.760	732.126	113,7
Doanh thu thuần	322.426	421.917	130,85
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	52.724	68.557	130
Lợi nhuận khác	1.286	1.063	82,66
Lợi nhuận trước thuế	54.010	69.620	128,9
Lợi nhuận sau thuế	50.979	65.987	129,4

Đvt: Triệu đồng

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm X - 1	Năm X	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	0,91	0,9	
+ Hệ số thanh toán nhanh: Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	0,9	0,9	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	48%	49%	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	92%	96%	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho:			Hoạt động SXKD của PDN chủ yếu là

Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân			cung cấp dịch vụ, nên chỉ tiêu hàng tồn kho không đáng kể
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	50,08%	57,6%	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,16	0,16	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,15	0,18	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,08	0,09	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,16	0,16	
.....			

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Cổ phần

- Tổng số cổ phần: **12.347.987 CP**
- Loại cổ phần: Cổ phiếu phổ thông
- Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: Không
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: **12.347.987 CP**

Cơ cấu cổ đông

STT	Loại cổ đông	Số lượng CP sở hữu		Tỷ lệ sở hữu CP
		Tự do chuyển nhượng	Tổng cộng	
I	Cổ đông nhà nước	6.297.480	6.297.480	51,00%
II	Cổ đông nội bộ	343.876	343.876	2,785%
III	Cổ đông trong nước	5.475.056	5.475.056	44,340%
	Cá nhân	1.824.711	1.824.711	14,777%

	Tổ chức	3.650.345	3.650.345	29,563%
IV	Cổ đông nước ngoài	231.575	231.575	1,875%
	Cá nhân	39.545	39.545	0,320%
	Tổ chức	192.030	192.030	1,555%
	Tổng cộng	12.347.987	12.347.987	100%

Nguồn số liệu: Căn cứ Danh sách cổ đông chốt ngày 10/02/2017

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

- Không có

Giao dịch cổ phiếu quỹ

- Không có

Các chứng khoán khác

- Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

Trải qua hơn một phần tư thế kỷ hình thành và phát triển, đến nay PDN được biết đến như một địa điểm lợi thế trong việc trung chuyển hàng hóa của tỉnh Đồng Nai, có thể khẳng định thành quả đáng ghi nhận này được đúc kết từ sự ủng hộ của các cơ quan hữu quan, sự hợp tác quý báu của các Cổ đông, các vị đối tác, khách hàng và sự nỗ lực, phấn đấu của tập thể CBCNV PDN trên nền tảng kiên định theo đuổi chính sách phát triển bền vững của Công ty. PDN luôn đặt những mục tiêu kinh doanh của Công ty và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, bảo vệ môi trường, sử dụng tiết kiệm năng lượng, tạo công việc ổn định, nâng cao đời sống cho CB-CNV, thực hiện các công tác xã hội từ thiện v.v... nhằm gia tăng giá trị cho doanh nghiệp, cộng đồng và xã hội

Ý thức bảo vệ môi trường sử dụng tiết kiệm năng lượng, duy trì cảnh quang xanh – sạch – đẹp, thu hút giải quyết công ăn việc làm cho nhân dân địa phương, đóng góp vào sự phát triển kinh tế sở tại là những tiêu chí hàng đầu của PDN bên cạnh hiệu quả sản xuất kinh doanh

Tuân thủ chính sách này, trong những năm qua, các dự án đầu tư và mở rộng cảng đều được đánh giá tác động môi trường, thiết kế và xây dựng theo hướng tiết kiệm năng lượng, hạn chế tối đa những tác hại đối với môi trường

Các giải pháp quản lý, tiết kiệm năng lượng và nhiên liệu:

- ☞ Chỉ đạo quyết liệt và đồng tình của Ban lãnh đạo công ty, lãnh đạo các phòng ban, đơn vị và ý thức tiết kiệm năng lượng của từng nhân viên trong công ty
- ☞ Bảo trì hệ thống cơ điện tuân thủ theo kế hoạch bảo trì định kỳ hàng năm đã được phê duyệt và tuân thủ theo những khuyến cáo của nhà sản xuất nhằm đảm bảo máy móc hoạt động tốt, ổn định, ít hư hỏng và tăng tuổi thọ thiết bị
- ☞ Điều chỉnh lịch đóng/ngắt hệ thống điều hòa không khí, đèn chiếu sáng, quạt thông gió, các thiết bị sử dụng năng lượng thông qua hệ thống quản lý tập trung
- ☞ Tách các line đèn, line quạt, quy hoạch khu vực chức năng và lập trình điều khiển đèn, quạt tại một số khu vực chức năng sao cho tối ưu hóa trong việc sử dụng điện
- ☞ Việc đầu tư lắp đặt các thiết bị điện hiện đại với độ ổn định cao đã góp phần giảm thiểu tiêu hao năng lượng không cần thiết
- ☞ Thay bóng đèn dây tóc hay Compact bằng bóng đèn công nghệ LED để vừa tăng độ sáng, tiết kiệm điện năng vừa có độ bền cao
- ☞ Theo dõi hàng ngày đồng hồ đo đếm điện tại từng khu vực để kiểm soát điện năng nhằm mục đích ngăn chặn các bất thường xảy ra (nếu có)
- ☞ Các bộ phận kỹ thuật kiểm soát các hệ thống phần mềm như: hệ thống PCCC, hệ thống xử lý nước thải,... để tối ưu hóa việc tiết kiệm năng lượng
- ☞ Theo dõi các đồng hồ đo đếm điện hàng ngày nhằm kiểm soát hoạt động tại các khu vực và kịp thời xử lý những bất thường xảy ra (nếu có)

Hệ thống nước cấp và nước thải:

- ☞ Để các hệ thống được vận hành tốt, công tác vệ sinh công rãnh, nạo vét được thực hiện nghiêm túc theo kế hoạch định kỳ hàng năm đã được duyệt
- ☞ Theo dõi đồng hồ đo đếm nước cấp hàng ngày nhằm hạn chế và ngăn chặn các bất thường xảy ra (nếu có)
- ☞ Ký hợp đồng với các đơn vị chuyên nghiệp thu gom chất thải lỏng lẫn dầu để xử lý đúng theo quy định của các cơ quan chức năng

Bảo vệ môi trường – An toàn lao động – PCCC:

- Công ty đã thiết lập cơ chế kiểm tra, kiểm soát dưới sự giám sát của bộ phận quản lý rủi ro và các phòng ban chức năng tại mỗi đơn vị nhằm đơn đốc, nghiêm chỉnh thực hiện các quy định về an toàn trong lao động, vận hành cảng biển, hàng hải, PCCC, xử lý chất thải, nước thải phù hợp theo quy định, sử dụng tiết kiệm nhiên/ nguyên liệu trong quá trình vận hành thiết bị, khai thác tàu, trồng cây xanh tạo cảnh quan khang trang, sạch đẹp cho các công trình,...
- Ký hợp đồng thuê đơn vị chuyên nghiệp thu gom quét dọn vệ sinh môi trường trên bãi, kho và tập kết vào các khu vực rác thải riêng; Phân loại các loại chất thải sinh hoạt, nguy hại theo từng mục và có dán nhãn rõ ràng để thuận tiện thu gom và xử lý đúng quy định
- Ký hợp đồng với công ty chuyên về ứng cứu sự cố tràn dầu
- Sử dụng hiệu quả tài sản, triển khai tránh lãng phí thông qua việc thực hành 5S, chuẩn hóa quy trình vận hành, tuân thủ các chỉ tiêu đánh giá và đo lường
- Tuân thủ các quy trình về bảo vệ môi trường trong các hoạt động sản xuất kinh doanh

Chính sách liên quan đến người lao động

Thu nhập bình quân của người lao động qua các năm (đồng/tháng/người)

STT	Năm	Mức lương bình quân
1	2011	11.240.000
2	2012	13.640.000
3	2013	12.520.000
4	2014	13.190.000
5	2015	14.110.000
6	2016	15.570.000

Chế độ làm việc

Công ty thực hiện chế độ lao động theo Luật lao động và các quy định của pháp luật.

Môi trường làm việc được thiết kế thoáng mát, thân thiện, lực lượng lao động trực tiếp được trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao

động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt

Chính sách lương thưởng, phụ cấp phúc lợi cho người lao động

Chính sách lương thưởng

Sự thành công của Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai luôn gắn liền với các yếu tố con người. Do đó, lương thưởng cho CB-CNV luôn là mối quan tâm hàng đầu của Ban lãnh đạo công ty. Công ty xây dựng quy chế trả lương dựa trên mức độ phức tạp, đóng góp của từng vị trí công việc đảm bảo tính công bằng và khuyến khích người lao động phát huy hết năng lực bản thân, trả lương cho người lao động đầy đủ và đúng hạn. Chính sách lương thưởng phù hợp và đủ hấp dẫn để giữ chân các cán bộ chủ chốt, người lao động của Công ty cũng như thu hút người tài

Chính sách phụ cấp

Ngoài tiền lương và thưởng, Người lao động ở Công ty còn được hưởng các khoản phụ cấp, trợ cấp khác theo lương tùy thuộc vào vị trí công tác, năng lực làm việc, mức độ đóng góp của mỗi người và kết quả hoạt động của Công ty

Các chính sách về phúc lợi cho người lao động:

- Ngày quốc tế phụ nữ 8/3 & ngày phụ nữ Việt Nam 20/10 (nhân viên nữ)
- Ngày quốc tế thiếu nhi 1/6 (con nhân viên dưới 16 tuổi)
- Sinh nhật nhân viên
- Nhân viên khi kết hôn hợp lệ
- Người thân (cha/mẹ ruột, cha/mẹ vợ/chồng, vợ/chồng, con cái) của nhân viên khi qua đời
- Nghỉ mát hàng năm cho nhân viên
- Hỗ trợ nhiên liệu đi lại

Bên cạnh đó, Công ty cũng thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, ngày gia đình để CB-CNV có cơ hội giao lưu và trau dồi thể chất

Chính sách thu hút và đào tạo nguồn nhân lực

Với mức thu nhập ổn định, nhiều cơ hội thăng tiến, môi trường làm việc tốt, chính

sách về lao động đào tạo nguồn nhân lực luôn được ban lãnh đạo chú trọng quan tâm nên công ty luôn nhận được sự gắn bó và cống hiến hết mình của toàn thể CB-CNV. Bên cạnh đó, với các chính sách phù hợp này Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai cũng là nơi thu hút được sự quan tâm của các nguồn nhân lực bên ngoài

Trong năm 2016, Công ty đã tổ chức **26** khóa huấn luyện đào tạo nghiệp vụ cho **506** lượt CB-CNV tham gia, trong đó bao gồm: Khóa huấn luyện PCCC; Bồi dưỡng kiến thức nghiệp vụ đấu thầu; Đào tạo vận hành lái cầu; Các Thông tư-Nghị định của Nhà nước; Giám đốc toàn diện; Kiểm soát nội bộ; Kỹ năng bán hàng; Kỹ năng thương lượng và đàm phán; Quản lý dự án; Quản trị chi phí logistics; v.v...

Chính sách lương thưởng cho cán bộ nhân viên

Kể từ năm 2015 đến nay Công ty đã thay đổi và áp dụng cơ chế trả lương xác định tính chất, trách nhiệm và mức độ đóng góp của từng vị trí công việc, công bằng, hấp dẫn và cạnh tranh so với thị trường lao động. Chính sách tiền lương, thưởng dựa vào KPI của từng cá nhân nhằm phát huy tối đa sự đóng góp của nhân viên vào mục tiêu hoàn thành kế hoạch kinh doanh cho những năm tiếp theo.

Trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Giai đoạn 2016 – 2020, PDN tiếp tục phát huy những thành quả đã đạt được, vượt qua những khó khăn, thử thách trên bước đường hội nhập, kịp thời nắm bắt những cơ hội tăng trưởng để không ngừng phát triển. Cụ thể trong năm 2016, Công ty đã phát huy chính sách phát triển bền vững trên các khía cạnh:

- Củng cố và phát huy môi trường làm việc hiệu quả
- Đề cao văn hóa và những giá trị cốt lõi của doanh nghiệp
- Xây dựng các chế độ đãi ngộ và phúc lợi phù hợp nhằm thu hút, duy trì và phát triển nguồn nhân lực chất lượng, khích lệ tinh thần cống hiến, phát huy tối đa năng lực cá nhân
- Chú trọng trách nhiệm đối với xã hội, bảo vệ môi trường, sử dụng tiết kiệm năng lượng, tạo công việc và thu nhập ổn định cho CB-CNV
- Thực hiện công tác xã hội, các chương trình từ thiện hỗ trợ người nghèo v.v...

Cơ chế tiếp nhận ý kiến từ các bên liên quan

Là một trong những doanh nghiệp điển hình trong tỉnh Đồng Nai được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán, PDN luôn chú trọng hoạt động quan hệ nhà đầu tư, minh bạch thông tin, tạo điều kiện thuận lợi cho các Cổ đông và nhà đầu tư tiếp cận thông tin về tình hình hoạt động của Công ty cũng như tiếp nhận các ý kiến phản hồi, đề xuất từ Cổ đông, nhà đầu tư và các bên liên quan. Riêng đối với người lao động, Công ty luôn sẵn sàng lắng nghe và trao đổi ý kiến với người lao động qua các kênh truyền thông như email, điện thoại, trực tiếp, v.v... Bên cạnh đó, Ban chấp hành Công đoàn của Công ty luôn quan tâm sâu sắc đến đời sống của CB-CNV, tiếp thu ý kiến đóng góp, thắc mắc của CB-CNV và kịp thời phản ánh đến Ban lãnh đạo Công ty xem xét và kịp thời phản hồi giúp cho người lao động an tâm làm việc, tạo nên giá trị bền vững cho Công ty

Cam kết với các bên liên quan

Đối với Nhà nước

Tuân thủ các chính sách, quy định của Nhà nước liên quan đến lĩnh vực ngành nghề của Công ty

Đối với Cổ đông, nhà đầu tư

Đảm bảo quyền lợi cho Cổ đông, nhà đầu tư

Nỗ lực không ngừng để mang lại giá trị vững bền cho Cổ đông, nhà đầu tư

Thực hiện báo cáo và công bố thông tin đúng quy định

Đối với khách hàng, đối tác

Đặt chất lượng dịch vụ làm trọng tâm trong hoạt động sản xuất kinh doanh

Mang đến cho khách hàng, đối tác những giải pháp tối ưu và phù hợp nhất

Giữ vững các cam kết với khách hàng, đối tác, đảm bảo hợp tác hiệu quả, cùng có lợi

Đối với cán bộ công nhân viên

Tạo môi trường làm việc tốt và cơ hội thăng tiến

Chế độ đãi ngộ phù hợp

Khích lệ tinh thần cống hiến, cầu thị, sáng tạo, phát huy tối đa năng lực cá nhân và sức mạnh tập thể

Đối với cộng đồng địa phương

Chia sẻ trách nhiệm xã hội

Tạo thêm công ăn việc làm cho người lao động

Mang đến lợi ích cho cộng đồng, góp phần vào công cuộc xây dựng đất nước

Các danh hiệu tiêu biểu

Năm 2014:

Thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước 05 năm (2010 – 2014) do UBND Tỉnh Đồng Nai trao tặng

Thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước năm 2013 – 2014 do UBND Tỉnh Đồng Nai trao tặng

Danh hiệu tập thể lao động xuất sắc năm 2014 do UBND Tỉnh Đồng Nai trao tặng



Năm 2015:

Danh hiệu tập thể lao động xuất sắc năm 2015 do UBND Tỉnh Đồng Nai trao tặng



Năm 2016:

Huân chương lao động hạng nhất do Chủ tịch nước CHXHCNVN trao tặng



PHẦN III

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

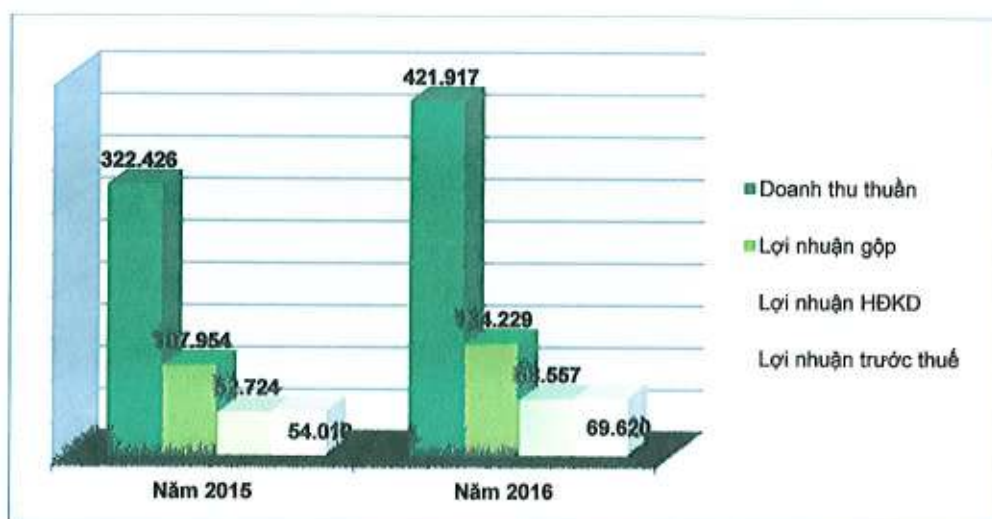
Trong năm 2016, tình hình chung của nền kinh tế đã có những dấu hiệu khởi sắc, nhu cầu luân chuyển hàng hóa trong và ngoài nước có sự tăng trưởng so với năm 2015. Tận dụng những thuận lợi vĩ mô cũng như lợi thế về vị trí địa lý và kinh nghiệm trong ngành, Ban lãnh đạo và toàn thể CB-CNV Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai đã nỗ lực phấn đấu hoàn thành kế hoạch và tăng trưởng tốt các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh

Sản lượng hàng tổng hợp và container thông qua cảng lần lượt là **4.572.354** tấn, tăng **30%** và **374.283** teus, tăng **11%** so cùng kỳ. Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh đạt **421.917** triệu đồng, tăng trưởng mạnh **30,9%** so cùng kỳ 2015, lợi nhuận sau thuế đạt **65.987** triệu đồng, tăng **29,4%** so cùng kỳ 2015

Về mặt thuận lợi, thương hiệu Cảng Đồng Nai đã từ lâu xây dựng được hình ảnh chuyên nghiệp và đáng tin cậy đối với khách hàng, điều này tạo ra thị phần chiếm ưu thế và ổn định trong khu vực. Công ty luôn nhận được sự hỗ trợ từ Ban lãnh đạo của các cảng biển khu vực phía Nam trong Hiệp Hội Cảng Biển Việt Nam kết nối với các cảng nước sâu khu vực Thị Vải trung chuyển hàng hóa bằng

sà lan. Bên cạnh đó, hệ thống cơ sở hạ tầng đường xá từ các khu công nghiệp dẫn đến Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai liên tục được hoàn thiện và nâng cấp, hàng hóa được luân chuyển dễ dàng từ Công ty đến các khu công nghiệp và ngược lại

Tuy nhiên Công ty hiện tại vẫn đang gặp khó khăn trong việc huy động vốn để thực hiện các dự án tại khu vực Cảng Long Bình Tân và Cảng Gò Dầu. Đồng thời mức độ cạnh tranh đối với ngành hàng tổng hợp càng gia tăng khi hệ thống cảng nước sâu tại khu vực Thị Vải – Cái Mép dự thừa công năng dẫn đến chuyển đổi từ khai thác hàng container sang hàng tổng hợp



2. Tình hình tài chính

Tình hình tài sản

Cuối năm 2016, giá trị tổng tài sản của Công ty là **732.126** triệu đồng, tăng mạnh **13,7%** so với năm 2015. Trong đó, tài sản ngắn hạn có giá trị **162.576** triệu đồng, chiếm **22,2%** trong cơ cấu tài sản. Các khoản tiền và tương đương tiền chiếm tỷ trọng **13,7%** trong tổng tài sản, tăng **4,8%** so với năm 2015. Các khoản phải thu khách hàng trung bình tăng **30%** so với năm 2015 do hoạt động kinh doanh của Công ty mở rộng mạnh mẽ. Đến cuối kỳ các khoản này chiếm tỷ trọng **8,4%** trong tổng tài sản. Do đặc thù của hoạt động kinh doanh cung cấp dịch vụ, giá trị hàng tồn kho của Công ty luôn nằm ở mức rất thấp, chiếm **0,019%** trong tổng tài sản.

Giá trị tài sản dài hạn cuối năm là **569.551** triệu đồng tăng **7,6%** so cùng kỳ, chiếm tỷ trọng **77,79%** trong tổng tài sản, trong đó phần lớn là tài sản cố định chiếm **56,35%**.

Tình hình nợ phải trả

Tình hình nguồn vốn

Năm 2016 là năm Công ty đẩy mạnh đầu tư và sửa chữa vào các dự án mở rộng và nâng cấp hệ thống cầu cảng, kho bãi, nhà văn phòng. Nguồn vốn được Công ty ưu tiên sử dụng trong thời điểm hiện tại là vốn vay từ bên ngoài do mức độ đòn bẩy tài chính các năm trước ở mức thấp, tổng giá trị vay nợ ngắn hạn và dài hạn là **358.707** triệu đồng, tăng **16%** so cùng kỳ và chiếm tỷ trọng **49%** trong cơ cấu nguồn vốn

Nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty tăng trưởng **11,5%** so cùng kỳ, lợi nhuận sau thuế TNDN tăng **29,4%** so cùng kỳ do kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh tăng trưởng tốt

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý

PDN đã có những đổi mới về cơ cấu tổ chức và chính sách quản lý điều hành trong năm 2016 như sau:

Bổ sung nhân lực cho Ban điều hành thông qua việc bổ nhiệm **01** Phó Tổng Giám đốc mới là ông Trần Văn Nguyên, qua đó giúp phát huy và tăng cường sức mạnh của ban điều hành trong việc triển khai thực hiện chiến lược kinh doanh

Tăng cường công tác quản trị, nâng cao chất lượng quản lý, chất lượng nguồn lực để tập trung phát triển hoạt động kinh doanh cốt lõi

Công ty xây dựng mô hình quản lý tập trung, giao KPI từng bộ phận để thực hiện chiến lược phát triển của Công ty

Chiến lược đối với nguồn cung cấp

Mở rộng danh sách các nhà thầu cung cấp dịch vụ vận tải thủy bộ nhằm tạo ra sự linh hoạt, chủ động trong việc lựa chọn dịch vụ vận tải thủy bộ tốt nhất cung

cấp cho khách hàng, đồng thời gia tăng khả năng thương lượng chi phí hợp lý với nhà cung cấp dịch vụ

Liên kết và mở rộng chuỗi dịch vụ với các đơn vị có thế mạnh về vận tải để khai thác thêm thị trường không phải thế mạnh của PDN, đáp ứng kịp thời và linh hoạt các nhu cầu của khách hàng, mở rộng thị trường hoạt động. Về mặt dài hạn, chiến lược này sẽ gia tăng sự nhận biết thương hiệu PDN trong nhận thức của khách hàng, tích lũy kinh nghiệm, tạo tiền đề để Công ty phát triển thành một nhà cung cấp dịch vụ logistics toàn diện và chuẩn mực

Phát triển thêm các nhà cung cấp dịch vụ và công nhân xếp dỡ để đa dạng hóa và đảm bảo chất lượng dịch vụ cung cấp cho khách hàng được thông suốt và hiệu quả; Đầu tư thêm các thiết bị xếp dỡ chủ lực nhằm nâng cao năng suất và an toàn lao động; Chủ động khai thác tối đa cơ sở hạ tầng trong Công ty

Chiến lược kinh doanh

Gia tăng năng lực cạnh tranh thông qua việc cải thiện những mặt hạn chế trong dịch vụ khách hàng, kéo dài và hoàn thiện chuỗi cung ứng dịch vụ logistics

Thực hiện chiến lược mở rộng liên kết và thuê ngoài những dịch vụ không phải là thế mạnh nhằm gia tăng chất lượng cung cấp dịch vụ, tiết kiệm chi phí đối với những dịch vụ không phải là thế mạnh của Công ty và linh hoạt mở rộng các loại hình dịch vụ đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng

Mở rộng, phát triển dịch vụ mới, thị trường mới

Mở rộng, phát triển đa dạng hóa các dịch vụ logistics và hoàn thiện chuỗi cung cấp dịch vụ, đầu tư xây dựng hệ thống kho tại khu vực Long Bình Tân và Gò Dầu

Tập trung khai thác tiềm năng của các thị trường tại Lâm Đồng, Bình Thuận, Bình Dương và phía Bắc Tp.HCM

Đẩy mạnh quảng bá thương hiệu

Trong năm 2016, Công ty đã thực hiện nhiều hình thức quảng bá thương hiệu trên các phương tiện thông tin đại chúng

Quảng cáo trên các tạp chí, trang website của các Hiệp hội trong ngành logistics

Tài trợ cho các chương trình phát sóng trong tỉnh

Ngoài ra, PDN cũng tham gia nhiều chương trình xã hội nhằm chia sẻ khó khăn, động viên tinh thần hiếu học của các em học sinh nghèo vùng sâu vùng xa, xây dựng nhà tình thương...

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Kế hoạch sản xuất kinh doanh

Năm 2017 Công ty xây dựng kế hoạch từ khảo sát, đánh giá về tăng trưởng nhu cầu luân chuyển hàng hóa trong năm. Đồng thời lập kế hoạch dựa trên sự cân đối khả năng đầu tư mở rộng cơ sở hạ tầng bến cảng, kho bãi và đa dạng hóa các dịch vụ logistics

Công tác tổng hợp các yếu tố thuận lợi và khó khăn cũng đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng và xem xét tính khả thi của kế hoạch năm 2017. Về mặt thuận lợi, Công ty tận dụng những lợi thế về vị trí địa lý, đặc điểm tự nhiên về luồng lạch, lượng khách hàng lớn và ổn định qua nhiều năm. Ban lãnh đạo và đội ngũ CB-CNV luôn nỗ lực lao động theo tư duy đổi mới, năng động và có kinh nghiệm lâu năm trong ngành

Giải pháp thực hiện

Giải pháp trong hoạt động kinh doanh

Tiến hành tổng hợp dữ liệu, đánh giá, phân tích nhu cầu khách hàng, từ đó xây dựng chương trình chăm sóc khách hàng phù hợp trong từng phân khúc và áp dụng chính sách giá theo phân khúc tương ứng, áp dụng chính sách thưởng phạt với hợp đồng nhà thầu phụ và hợp đồng xếp dỡ với khách hàng

Gia tăng khai thác sản lượng đối với các hãng tàu

Tận dụng tất cả các nguồn lực bên trong và bên ngoài để mở rộng thị trường, kết hợp hoạt động với các hiệp hội, công ty forwarder và các công ty vận tải để gia tăng khả năng mở rộng khách hàng mới, Công ty cũng đẩy mạnh hoạt động mở rộng thị trường bằng hình ảnh thương hiệu uy tín PDN, phát triển dịch vụ bán cước vận tải biển nội địa và quốc tế

Tiếp tục phát triển mảng kinh doanh ngành dịch vụ logistics tại khu vực Long Bình Tân bằng việc tìm kiếm nguồn hàng hóa từ các khách hàng tiềm năng trong

khu vực, tăng cường giới thiệu và quảng bá đến các đối tượng có nhu cầu sử dụng dịch vụ

Xây dựng chính sách hoa hồng và chính sách môi giới cạnh tranh nhưng vẫn đảm bảo hiệu quả hoạt động kinh doanh

Giải pháp trong hoạt động sản xuất

Tiếp tục nâng cao chất lượng dịch vụ thông qua việc đào tạo cán bộ tác nghiệp, đầu tư máy móc thiết bị hiện đại và ứng dụng công nghệ thông tin nhằm đáp ứng nhu cầu khách hàng

Tăng năng suất tác nghiệp cả hàng hóa tổng hợp và hàng container, phấn đấu vượt kế hoạch đề ra

Nâng cao tinh thần trách nhiệm, xây dựng thái độ sẵn sàng phục vụ khách hàng và giải đáp các thông tin khi khách hàng có nhu cầu, chấn chỉnh tác phong và mức độ tuân thủ nội quy của công nhân và nhân viên

Tăng cường năng lực điều phối của cấp quản lý trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến khách hàng, nhà thầu cũng như các vấn đề nảy sinh khác trong khu vực sản xuất

Bố trí hợp lý các thiết bị sản xuất nhằm gia tăng hiệu quả khai thác tài sản của Công ty

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Không có

6. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường & xã hội của công ty

Môi trường năng lượng

Ý thức bảo vệ môi trường, sử dụng tiết kiệm năng lượng, duy trì cảnh quan xanh - sạch - đẹp và thu hút giải quyết công ăn việc làm cho nhân dân địa phương, đóng góp vào sự phát triển kinh tế sở tại là những tiêu chí hàng đầu của PDN bên cạnh hiệu quả sản xuất kinh doanh

Trách nhiệm của doanh nghiệp đối với Người lao động và Cộng đồng địa phương

Ý thức lợi ích của doanh nghiệp luôn gắn liền với lợi ích của cộng đồng, PDN đang làm hết sức mình vì một môi trường kinh doanh ổn định, phát triển và tích cực chung tay chia sẻ vì cộng đồng thông qua những cam kết trong chiến lược phát triển bền vững của Công ty và những chương trình hành động cụ thể được thực hiện thường xuyên và liên tục

Nhiều năm qua, PDN không những tạo ra những giá trị về mặt kinh tế, cung cấp việc làm ổn định cho hàng trăm người lao động và đóng góp tích cực vào ngân sách quốc gia mà còn góp phần chung tay với Tổng công ty Sonadezi và nhiều đơn vị trong ngoài tỉnh thực hiện các chương trình từ thiện, đền ơn đáp nghĩa, giúp đỡ người già neo đơn, trẻ em bất hạnh, cấp học bổng cho học sinh nghèo, hỗ trợ dụng cụ học tập mỗi dịp khai trường để cùng các bậc phụ huynh tiếp sức cho các em đến lớp. Những chuyến đi từ thiện đến các vùng sâu, vùng xa là động lực và bài học về tình người sâu sắc đọng lại trong tâm trí mỗi CB-CNV của PDN nhằm duy trì và phát huy truyền thống tương thân tương ái và ý thức trách nhiệm đối với cộng đồng

PHẦN IV

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty
Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2016 là năm PDN đạt được nhiều kết quả ấn tượng nhất, đây cũng là bước khởi đầu cho giai đoạn 5 năm của HĐQT nhiệm kỳ III (2016 – 2020)

Hoạt động của các mảng kinh doanh đều tăng trưởng tốt và vượt so với kế hoạch đề ra, LNTT vượt **26,58%** so kế hoạch năm, **28,9%** so cùng kỳ. HĐQT đánh giá cao những kết quả nổi bật này và biểu dương việc Ban điều hành triển khai một cách có hiệu quả các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT, sự điều hành linh hoạt và quyết liệt tới từng đơn vị, từng tình huống cụ thể

Trong năm qua ban điều hành Công ty đã chỉ đạo thực hiện tốt các hoạt động liên quan đến trách nhiệm bảo vệ môi trường và tham gia nhiều hoạt động mang nhiều lợi ích cho xã hội

Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện tốt các mặt quản trị nhân sự đồng bộ với các khâu sản xuất kinh doanh, kiện toàn từng bộ máy, tăng cường hoạt động logistics và khâu Sales & Marketing của Công ty, thực hiện tốt công tác môi trường và xã hội, nâng cao uy tín và thương hiệu PDN trên thị trường

Đối với công tác đầu tư xây dựng cơ bản

Dựa trên kế hoạch đề ra và được phê duyệt, tổng mức chi phí đầu tư xây dựng cơ bản của Công ty tại thời điểm cuối năm 2016 là **62.862** triệu đồng. Trong đó gồm các hạng mục đầu tư lớn như:

Tại Gò Dầu

- ☞ Đầu tư cầu ray Macgregor 40T x 36m tại bến 30.000DWT
- ☞ Thiết bị như gầu, phễu và các thiết bị hỗ trợ khác
- ☞ Bãi cấp phối sỏi đỏ 2,7ha

Tại Long Bình Tân

- ☞ Đầu tư hệ thống điện chiếu sáng tại bãi LBT
- ☞ Bãi cấp phối đá dăm 2,5ha
- ☞ Bãi cấp phối đá dăm 2.500m²

Đối với hoạt động tài chính

Trong năm 2016, bộ phận tài chính kế toán đã hoàn thành tốt nhiệm vụ và chức năng của đơn vị mình được thể hiện trong hầu hết các hoạt động kinh doanh của Công ty

Đối với công tác quản lý nguồn vốn luân chuyển, tình hình công nợ luôn được chú trọng theo dõi sát sao nhằm gia tăng hiệu quả sử dụng dòng tiền và quản trị rủi ro, thực hiện trích lập dự phòng các khoản phải thu theo đúng quy định của pháp luật

Đối với công tác hoạch định đầu tư, các dự án đầu tư lớn trong năm đều được tính toán kỹ lưỡng nhằm đảm bảo cân đối giữa tính hiệu quả của dự án và chi phí sử dụng vốn. Đảm bảo dòng tiền khả dụng kịp thời theo tiến độ xây dựng của dự án

Phối hợp, hỗ trợ trong công tác công bố thông tin trên thị trường chứng khoán theo quy định của các Công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán

Đối với công tác tổ chức và nhân sự

Công tác tuyển dụng, điều chuyển, bổ nhiệm sự hợp lý, đảm bảo đúng người đúng việc, tạo ra hiệu quả công việc cao

Thực hiện nhiều chính sách đãi ngộ, thu hút nhân tài. Các chính sách trả lương, thưởng đảm bảo theo đúng quy chế, tạo ra động lực phấn đấu cho từng cá nhân, đồng thời xây dựng cơ chế đánh giá KPI cho Ban lãnh đạo và toàn thể CB-CNV

Đối với trách nhiệm môi trường và xã hội

Xây dựng môi trường làm việc năng động, khoa học cùng với chính sách đào tạo phát triển nguồn nhân lực liên tục nhằm khai thác năng lực của từng CB-CNV

Đảm bảo việc làm và thu nhập ổn định cho CBCNV

Thường xuyên thực hiện công tác xã hội từ thiện hỗ trợ cộng đồng trong và ngoài tỉnh

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc

Năm 2016, nền kinh tế trong nước và quốc tế phục hồi tích cực hơn đặc biệt là các ngành hoạt động cảng biển, tuy nhiên tốc độ cải thiện trong nền kinh tế Việt Nam vẫn còn chậm. Đối với Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai, Ban lãnh đạo cùng đội ngũ CB-CNV đã cùng nhau nỗ lực phấn đấu, cải tiến chính sách quản lý, chính sách bán hàng và đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ, dẫn đến hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2016 đạt được kết quả tốt đẹp. Nhìn chung, Ban Tổng giám đốc trong năm đã thể hiện được năng lực tốt, thực hiện các giải pháp kịp thời, đồng bộ, linh hoạt giúp Công ty duy trì hoạt động an toàn, ổn định và hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra

- ✓ Sản lượng khai thác hàng tổng hợp: 4.572.354 tấn, tăng 30% so cùng kỳ 2015
- ✓ Sản lượng khai thác container: 374.283 teus, tăng 11% so cùng kỳ 2015
- ✓ Tổng sản lượng quy đổi toàn công ty: 8.579.308 tấn, tăng 24% so cùng kỳ 2015
- ✓ Doanh thu SXKD: 421.917 triệu đồng, tăng 30,86% so cùng kỳ 2015
- ✓ Lợi nhuận trước thuế: 69.620 triệu đồng, tăng 28,9% so cùng kỳ 2015

Hàng quý và theo nhu cầu của hoạt động, HĐQT tổ chức họp định kỳ, đột xuất hoặc lấy ý kiến bằng văn bản để ban hành Nghị quyết/Quyết định kịp thời. Ngoài ra, HĐQT tổ chức các cuộc họp mở rộng cùng với Tổng giám đốc để chỉ đạo các

vấn đề liên quan đến định hướng và biện pháp tháo gỡ các khó khăn về việc triển khai dự án, vấn đề tài chính, các hoạt động trong toàn công ty.

Hội đồng quản trị ghi nhận Ban Tổng giám đốc đã có sự chuẩn bị chu đáo phương án ứng phó trước những biến động khó lường trên thị trường nói chung và những khó khăn đặc thù của ngành nói riêng. Ban Tổng giám đốc đã nắm bắt kịp thời những chuyển biến về kinh tế vĩ mô, sự biến động về giá, kịp thời đưa ra những quyết sách, tạo động lực cho tập thể CB-CNV cùng chung sức, đoàn kết, nhất trí đưa Công ty vượt qua mọi khó khăn. Đây là sự thành công của Công ty trong năm vừa qua, trong đó có sự đóng góp đáng ghi nhận của Ban Tổng Giám đốc.

Hiện tại Ban Tổng giám đốc đã xây dựng hoàn tất và áp dụng quy trình lập kế hoạch ngân sách để kiểm soát các hoạt động sản xuất kinh doanh, dự báo các vấn đề phát sinh và tìm ra các giải pháp dự phòng một cách chủ động. Ngoài ra, kế hoạch này còn giúp Công ty chủ động hoạch định nguồn lực tài chính, nhân lực, đầu tư đáp ứng nhu cầu phát triển, cụ thể:

Toàn Công ty được phân chia thành các cụm chi phí và doanh thu để phân trách nhiệm cụ thể cho các phòng ban

Thiết lập cây thư mục sản phẩm theo 2 ngành hàng chủ lực: Tổng hợp, Container – Kho vận logistics

Quy trình các phòng ban cũng được hệ thống hóa và kiểm soát chặt chẽ

Lập Ban kiểm soát nội bộ trực thuộc Tổng Giám đốc để thực hiện công tác tự kiểm soát, kiểm soát nội bộ và giám sát chặt chẽ theo chỉ đạo của Tổng Giám đốc tại các khu vực, đảm bảo hoạt động hiệu quả, thực hiện nghiêm túc an toàn lao động và vệ sinh môi trường

3. Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị

Năm 2017 nhiệm vụ trọng tâm là HĐQT sẽ cùng Ban Tổng giám đốc hoàn thành các chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận mà ĐHCĐ đề ra, đảm bảo tiến độ các dự án được hoàn thành và đưa vào sử dụng đúng thời hạn

Kế hoạch dự kiến (*) năm 2017

- ☞ Doanh thu: 440 tỷ đồng
- ☞ Lợi nhuận trước thuế TNDN: 72 tỷ đồng

(*): Kế hoạch chi tiết sẽ được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017

PHẦN V

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát

Giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

1. Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị

Các thành viên HĐQT tại Công ty gồm 01 Chủ tịch HĐQT - là Người đại diện theo pháp luật của Công ty, 01 Phó Chủ tịch và 03 thành viên, trong đó có 02 thành viên tham gia quản lý điều hành PDN



ÔNG TRẦN THANH HẢI

Chủ tịch Hội đồng quản trị

- 08/1994 – 09/1995: Nhân viên Phòng Thiết kế - Kỹ thuật - Xí nghiệp xây lắp CN thuộc Công ty Phát triển KCN Biên Hòa
- 09/1995 – 07/2000: Nhân viên Bộ phận phát triển hạ tầng - Công ty Phát triển KCN Biên Hòa
- 07/2000 – 01/2002: Tổ trưởng Tổ Phát triển hạ tầng - Công ty Phát triển KCN Biên Hòa
- 01/2002 – 12/2002: Phó Phòng Kinh doanh - Công ty Phát triển KCN Biên Hòa
- 01/2003 – 12/2003: Phó phòng Phụ trách Phòng Kỹ thuật - Công ty Phát triển KCN Biên Hòa
- 01/2004 – 09/2005: Phó Giám đốc Xí nghiệp Phát

	<p>triển nhà Sonadezi - Công ty Phát triển KCN Biên Hòa</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ 09/2005 – 12/2005: Phó Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần Địa ốc Sonadezi ▪ 01/2006 – 05/2007: Phó Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần Sonadezi Long thành ▪ 05/2007 – 07/2007: Chuyên viên Phòng Dự án - Công ty Phát triển KCN Biên Hòa ▪ 07/2007 – 09/2007: Tổng Giám đốc - Công ty CP PT hạ tầng Sonadezi ▪ 09/2007 – 11/2007: Phó Tổng Giám đốc - Công ty CP Sonadezi Châu Đức ▪ 12/2007 – 10/2008: Trưởng Ban Chuẩn bị Dự án kiêm Trưởng Ban Phát triển hạ tầng - Công ty Phát triển KCN Biên Hòa ▪ 11/2008 – 06/2010: Phó Tổng Giám đốc - Công ty Phát triển KCN Biên Hòa ▪ 07/2010 – 11/2010: Phó Tổng Giám đốc - Tổng Công ty Phát triển KCN (Sonadezi) ▪ 11/2010- 01/2016: TV- HĐQT, Phó Tổng Giám đốc, Phó Bí thư Chi bộ 2 thuộc Đảng bộ Tổng công ty Phát triển KCN - Tổng công ty Phát triển KCN (Sonadezi) ▪ 02/2016 -15/03/2016: Thành viên HĐQT – Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Sonadezi - Tổng công ty CP Phát triển KCN (Sonadezi) ▪ 15/03/2016 đến nay: Thành viên HĐQT – Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Sonadezi kiêm Chủ tịch HĐQT người đại diện theo pháp luật của Công ty CP Cảng Đồng Nai - Tổng công ty CP Phát triển KCN (Sonadezi); Công ty CP Cảng Đồng Nai <p>☛ Tỷ lệ cổ phiếu đại diện Tổng Công ty CP Phát triển KCN là 21%</p>
	<p>ÔNG ĐỖ VĂN SÂM Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <p>(Đã công bố trong mục Ban Điều Hành)</p>



ÔNG PHAN TRỌNG DŨNG

Thành viên Hội đồng quản trị

- 06/1994 – 09/1995 Chuyên viên Quản lý Tài chính doanh nghiệp Sở tài chính Đồng Nai.
- 09/1995 – 10/1999 Phó phòng Nghiệp vụ I Cục quản lý Vốn – Tài sản Nhà Nước tại DN Đồng Nai.
- 10/1999 – 5/2004 Phó phòng Nghiệp vụ I Chi cục Tài chính doanh nghiệp Đồng Nai.
- 5/2004 – 2/2006 Phó phòng Kế hoạch tổng hợp Quỹ đầu tư phát triển Đồng Nai.
- 2/2006 – 12/2015: Thành viên HĐQT Công ty CP Cảng Đồng Nai, Phó Giám đốc Quỹ đầu tư phát triển Tỉnh Đồng Nai.
- 12/2015 – nay: Thành viên HĐQT Công ty CP Cảng Đồng Nai, Giám đốc Quỹ đầu tư phát triển Tỉnh Đồng Nai

☛ Tỷ lệ cổ phiếu đại diện Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai 3,75%

ÔNG HUỲNH NGỌC TUẤN

Thành viên Hội đồng quản trị

(Đã công bố trong mục Ban Điều Hành)

ÔNG NGUYỄN THANH TÙNG

Thành viên Hội đồng quản trị



- Từ năm 2001 – 2006: Phó phòng Nguồn vốn/ Phụ trách phòng tín dụng doanh nghiệp, Ngân hàng liên doanh VinaSiam
- Từ năm 2006 – 2007: Chuyên viên phân tích đầu tư cổ phiếu, Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt
- Từ tháng 6/2007 đến nay: Trưởng phòng phân tích đầu tư/ Giám đốc đầu tư/ Phó Tổng Giám Đốc, Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI
- Từ 15/3/2016 đến nay: Thành viên HĐQT Công ty CP Cảng Đồng Nai

☛ Tỷ lệ cổ phiếu đại diện Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn 20%

Số lượng cổ phần của Công ty do các thành viên HĐQT nắm giữ tính đến ngày 10/02/2017 như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Đại diện Số hữu	CP Nắm giữ	Tổng Cộng	Tỷ lệ %	Ghi chú
1	Ông Trần Thanh Hải	Chủ tịch HĐQT	2.593.086	-	2.593.086	21	Đại diện pháp luật
2	Ông Đỗ Văn Sâm	Phó Chủ tịch HĐQT	1.234.798	57.216	1.292.014	10,46	Điều hành
3	Ông Huỳnh Ngọc Tuấn	Thành viên HĐQT	1.234.798	2.520	1.237.318	10,02	Điều hành
4	Ông Phan Trọng Dũng	Thành viên HĐQT	462.504	-	462.504	3,75	
5	Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên HĐQT	2.470.251	-	2.470.251	20	

Số lượng chức danh thành viên hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác

STT	Họ và tên	Số lượng chức danh TV.HĐQT tại Công ty khác	Tên công ty
1	Ông Trần Thanh Hải	2	- Công ty CP Phát triển Khu Công nghiệp - Công ty CP Đầu tư Quốc lộ 91 Cần Thơ – An Giang
2	Ông Đỗ Văn Sâm	2	- Công ty CP Cảng Long Thành - Công ty CP Dịch vụ Cảng Đồng Nai
3	Ông Nguyễn Thanh Tùng	3	- Công ty CP Viglacera Hạ Long - Công ty CP khử trùng Việt Nam - Công ty CP phục vụ mặt đất Sài Gòn
4	Ông Phan Trọng Dũng	2	- Công ty CP Sonadezi Long Bình - Công ty CP Đồng Tiến

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Không có

Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2016

Căn cứ Luật doanh nghiệp hiện hành, Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và tình hình yêu cầu thực tế của Công ty, trong năm 2016 HĐQT đã tổ chức **8** cuộc họp để xem xét và giải quyết kịp thời các công việc thuộc trách nhiệm của HĐQT và ban hành **19** Nghị quyết và Quyết định như sau:

STT	Số NQ/QĐ	Ngày	Kết quả
1	Nghị quyết HĐQT số: 03/2016/NQ- HĐQT	05/01/2016	Bổ nhiệm ông Trần Văn Nguyên giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Chốt danh sách tạm ứng cổ tức bằng tiền đợt 1.2015
2	Quyết định HĐQT Số: 04/2016/QĐ- HĐQT	06/01/2016	Bổ nhiệm ông Trần Văn Nguyên giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc
3	Nghị quyết HĐQT số: 07/2016/NQ- HĐQT	11/01/2016	Điều chỉnh thời gian chốt danh sách tạm ứng cổ tức bằng tiền đợt 1.2015
4	Nghị quyết HĐQT số: 18/2016/NQ- HĐQT	22/02/2016	Thống nhất các chỉ tiêu kế hoạch năm 2016
5	Quyết định HĐQT 18B/2016/QĐ- HĐQT	14/03/2016	Quyết toán quỹ tiền lương năm 2015
6	Nghị quyết HĐQT số: 25/2016/NQ- HĐQT	24/03/2016	- Miễn nhiệm chức vụ TGD đối với bà Nguyễn Thị Bạch Mai - Bổ nhiệm ông Nguyễn Ngọc Tuấn giữ chức vụ TGD điều hành trong thời hạn 01 năm - Tái bổ nhiệm ông Đỗ Văn Sâm giữ chức vụ phó TGD thời hạn 03 năm
7	Quyết định HĐQT số: 26/2016/QĐ- HĐQT	24/03/2016	Miễn nhiệm chức vụ TGD đối với bà Nguyễn Thị Bạch Mai
8	Quyết định HĐQT số: 27/2016/QĐ- HĐQT	24/03/2016	Bổ nhiệm ông Nguyễn Ngọc Tuấn giữ chức vụ TGD điều hành trong thời hạn 01 năm
9	Quyết định HĐQT số: 29/2016/QĐ- HĐQT	20/04/2016	Phê duyệt quỹ tiền lương kế hoạch năm 2016
10	Quyết định HĐQT số: 30/2016/QĐ-	20/04/2016	Phê duyệt kế hoạch thù lao HĐQT, BKS, Thư ký năm 2016

HĐQT			
11	Quyết định HĐQT số: 31/2016/QĐ- HĐQT	20/04/2016	Quyết định mức lương thuê TGD điều hành
12	Nghị quyết HĐQT số: 33/2016/NQ- HĐQT	06/05/2016	Trả cổ tức lần 2 năm 2015
13	Nghị quyết HĐQT số: 34/2016/NQ- HĐQT	06/05/2016	Quyết định lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2016
14	Quyết định HĐQT số: 39/2016/QĐ- HĐQT	06/6/2016	Quyết định ban hành Quy chế hoạt động của HĐQT
15	Quyết định HĐQT số: 42/2016/QĐ- HĐQT	24/05/2016	Quyết định cử nhân sự đại diện quản lý vốn đầu tư tại Công ty CP Dịch vụ Cảng Đồng Nai
16	Nghị quyết HĐQT số: 50/2016/NQ- HĐQT	18/7/2016	Nghị quyết thành lập Ban kiểm soát nội bộ trực thuộc TGD
17	Nghị quyết HĐQT số: 55/2016/NQ- HĐQT	10/11/2016	Nghị quyết thông qua phương án vay vốn đầu tư xây dựng cơ bản và bổ sung vốn lưu động (đã công bố thông tin)
18	Nghị quyết HĐQT số: 56/2016/NQ- HĐQT	14/11/2016	Thống nhất chủ trương đầu tư xây dựng cơ bản mở rộng Cảng Đồng Nai khu vực Long Bình Tân giai đoạn 2B
19	Nghị quyết HĐQT số: 57/2016/NQ- HĐQT	14/11/2016	Điều chỉnh quỹ tiền lương 2016 của người quản lý công ty

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành

Đại hội đồng cổ đông thường niên được PDN tổ chức ngày 15/3/2016 đã bầu thành viên HĐQT cho nhiệm kỳ 2016 – 2020, Ban điều hành PDN đã tích cực vận động cổ đông bầu thành viên HĐQT độc lập nhằm tuân thủ các điều khoản

trong Luật doanh nghiệp hiện hành và nâng cao tính minh bạch trong hoạt động của PDN

Theo kết quả bầu cử của toàn thể cổ đông tham dự đại hội, 5 thành viên HĐQT đã được bầu công khai để được tiếp quản công tác điều hành PDN trong nhiệm kỳ mới 2016 - 2020 nhưng vẫn chưa đáp ứng được tiêu chí trở thành thành viên độc lập theo quy định của pháp luật

PDN sẽ tiếp tục vận động Đại hội đồng cổ đông thường niên chọn lựa, sàng lọc và bầu cử thành viên HĐQT độc lập nhằm tuân thủ pháp luật và giúp hoạt động của PDN luôn hiệu quả và minh bạch

Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai chưa thành lập các tiểu ban trực thuộc HĐQT. Các thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm các công việc và thực hiện nhiệm vụ theo phân công của HĐQT

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Trần Thanh Hải	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Đỗ Văn Sâm	Phó Chủ tịch HĐQT
3	Ông Huỳnh Ngọc Tuấn	Thành viên HĐQT
4	Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên HĐQT

2. Ban kiểm soát

Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

ST T	Họ và tên	Chức vụ	Đại diện Sở hữu	CP Năm giữ	Tổng Cộng	Tỷ lệ %
1	Bà Lê Thị Bích Loan	Trưởng BKS	1.234.798	-	1.234.798	10
2	Bà Hoàng Thị Thu Thủy	Thành viên BKS	-	-	-	-
3	Ông Võ Văn Minh	Thành viên BKS	-	-	-	-

Hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm, Ban kiểm soát đã tham gia tất cả các cuộc họp của HĐQT, định kỳ hàng quý và đột xuất, các cuộc họp giao ban hàng tháng của Công ty do Tổng Giám đốc chủ trì để nắm bắt đầy đủ thông tin hoạt động trong công ty

Ngoài ra, định kỳ hàng quý Ban kiểm soát tổ chức kiểm soát các hoạt động sản xuất kinh doanh, thẩm định báo cáo tài chính, đánh giá việc quản lý, điều hành của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Nhận xét và đánh giá của Ban kiểm soát

Công ty thực hiện chế độ lập, gửi báo cáo và chấp hành nghĩa vụ đối với Nhà nước đầy đủ và kịp thời

Hạch toán kế toán rõ ràng; sắp xếp lưu trữ chứng từ hợp lý, thuận tiện cho công tác kiểm tra, đối chiếu số liệu

Sổ sách kế toán mở đầy đủ theo quy định

Hội đồng quản trị đã triển khai thực hiện đúng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên được thông qua tại Đại hội

Hội đồng quản trị tổ chức họp định kỳ, đột xuất, lấy ý kiến bằng văn bản để giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền nhằm tuân thủ quy định của pháp luật và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Ban Tổng Giám đốc triển khai thực hiện đầy đủ các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát được mời tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, cuộc họp giao ban định kỳ hàng tháng và được cung cấp tất cả các nội dung liên quan theo yêu cầu

3. Giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BĐH và BKS

Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban Kiểm soát

STT	Chức vụ	Thù lao tại PDN (đồng/tháng)
1	Chủ tịch HĐQT	7.526.000
2	Phó Chủ tịch HĐQT	6.368.000
3	Thành viên HĐQT	5.210.000
4	Trưởng BKS	Chuyên trách
5	Thành viên BKS	3.473.000

Các khoản thu nhập khác tại doanh nghiệp của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban Kiểm soát

ST T	Họ và tên	Chức vụ	Thu nhập (đồng/tháng)	Ghi chú
1	Trần Thanh Hải	Chủ tịch HĐQT	-	Đại diện phần vốn của Tổng Công ty CP Phát triển KCN (21%)
2	Đỗ Văn Sâm	Phó Tổng Giám đốc	27.600.000	Ban Điều Hành
3	Huỳnh Ngọc Tuấn	Kế toán trưởng	25.200.000	Ban Điều Hành
4	Phan Trọng Dũng	Thành viên HĐQT	-	Đại diện phần vốn của Quỹ Đầu tư phát triển (3,75%)
5	Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên HĐQT	-	Đại diện phần vốn của Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn (20%)
6	Nguyễn Ngọc Tuấn	Tổng Giám đốc	70.000.000	Ban Điều Hành
7	Trần Văn Nguyên	Phó Tổng Giám đốc	27.600.000	Ban Điều Hành
8	Lê Thị Bích Loan	Trưởng BKS	25.200.000	Chuyên trách
9	Hoàng Thị Thu Thủy	Thành viên BKS	-	Đại diện Quỹ Đầu tư phát triển
10	Võ Văn Minh	Thành viên BKS	-	Đại diện Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và những người có liên quan

Không có

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

STT	Tên TV HĐQT/ TV BKS/TGD tại Công ty niêm yết	Chức vụ tại Công ty niêm yết	Tên Công ty có giao dịch	Hợp đồng giao dịch	Chức vụ tại Công ty có giao dịch
1	Đỗ Văn Sâm	Phó Chủ tịch HĐQT, Phó TGD	Công ty CP Cảng Long Thành	Hợp đồng sử dụng dịch vụ cảng	Chủ tịch HĐQT
			Công ty CP Dịch vụ Cảng Đồng Nai	- Hợp đồng dịch vụ xếp dỡ - Hợp đồng cho thuê thiết bị xếp dỡ	Thành viên HĐQT
2	Nguyễn Ngọc Tuấn	Tổng Giám đốc	Công ty CP Tiếp vận Số 1 Đồng Nai	Hợp đồng thuê mặt bằng bãi	Chủ tịch HĐQT
3	Phan Trọng Dũng	Thành viên HĐQT	Công ty CP Sonadezi Long Bình	Hợp đồng cung cấp và sử dụng nước tại Cảng Gò Dầu	Thành viên HĐQT
			Quý Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai	Hợp đồng vay vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Giám đốc

Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Công ty thực hiện đầy đủ và đúng quy định của pháp luật về quản trị Công ty

PHẦN VI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2016

Ý kiến của Cơ quan kiểm toán
Báo cáo tài chính kiểm toán và Bản thuyết minh



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Thanh Hải	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 15 tháng 03 năm 2016)
Ông Đỗ Văn Sâm	Phó Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 15 tháng 03 năm 2016) (miễn nhiệm Chủ tịch ngày 14 tháng 03 năm 2016)
Bà Nguyễn Thị Bạch Mai	Phó Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 14 tháng 03 năm 2016)
Ông Huỳnh Ngọc Tuấn	Thành viên
Ông Phan Trọng Dũng	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 15 tháng 03 năm 2016)
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Thành viên (miễn nhiệm ngày 14 tháng 03 năm 2016)

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Lê Thị Bích Loan	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 15 tháng 03 năm 2016)
Bà Nguyễn Thị Hạnh	Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 14 tháng 03 năm 2016)
Bà Hoàng Thị Thu Thủy	Thành viên
Ông Võ Văn Minh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 15 tháng 03 năm 2016)
Ông Phạm Văn Huy	Thành viên (miễn nhiệm ngày 14 tháng 03 năm 2016)

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 25 tháng 03 năm 2016)
Bà Nguyễn Thị Bạch Mai	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 24 tháng 03 năm 2016)
Ông Đỗ Văn Sâm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Nguyên	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư Vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

CAM KẾT CỦA CÁC CỔ ĐỒNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, các khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn của Công ty là 18.710.301.991 VND. Nguyên nhân chính của việc các khoản nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn là do việc trình bày lại các khoản vay dài hạn đến hạn trả sang ngắn hạn theo quy định. Vào ngày phát hành báo cáo tài chính này không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty tin rằng các chủ đầu tư sẽ không tiếp tục tài trợ cho hoạt động của Công ty trong tương lai. Do vậy, các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 vẫn được soạn thảo trên cơ sở Công ty tiếp tục hoạt động liên tục.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Tuấn
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 22 tháng 01 năm 2017

Số: 17.110 /BCKT-RSM HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các thành viên Hội đồng Quản trị**
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 22 tháng 02 năm 2017 từ trang 05 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Mặc dù không đưa ra ý kiến ngoại trừ, chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh 2.2 trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 về việc các khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn của Công ty là 18.710.301.991 VNĐ. Theo hướng dẫn của chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, đây là dấu hiệu cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Nguyên nhân chính của việc các khoản nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn là do việc trình bày lại các khoản vay dài hạn đến hạn trả sang ngắn hạn theo quy định. Vào ngày phát hành báo cáo tài chính này không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty tin rằng các chủ đầu tư sẽ không tiếp tục tài trợ cho hoạt động của Công ty trong tương lai. Do vậy, các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 vẫn được soạn thảo trên cơ sở Công ty tiếp tục hoạt động liên tục.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC



Lục Thị Vân

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
0175-2016-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 02 năm 2017

Huỳnh Thị Ngọc Trinh

Kiểm toán viên

Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
2124-2016-026-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		162.575.605.728	114.544.189.715
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	100.339.683.639	57.423.882.727
1. Tiền	111		84.268.754.982	15.849.779.513
2. Các khoản tương đương tiền	112		16.070.928.657	41.574.103.214
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		61.806.802.294	51.086.413.889
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	60.783.522.326	46.715.715.626
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3.589.520.333	4.496.772.346
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		694.339.534	3.532.898.185
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(3.260.579.899)	(3.658.972.268)
III. Hàng tồn kho	140		137.086.744	474.210.272
1. Hàng tồn kho	141		137.086.744	474.210.272
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		292.033.051	5.559.682.827
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	292.033.051	117.513.616
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	5.10	-	5.442.169.211
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		569.550.518.916	529.215.985.971
I. Tài sản cố định	220		412.577.555.822	368.419.720.225
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	410.708.489.337	368.051.074.087
Nguyên giá	222		613.053.082.159	538.229.889.056
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(202.344.592.822)	(170.178.814.969)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	1.869.066.485	368.646.138
Nguyên giá	228		4.361.601.314	2.608.063.207
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.492.534.829)	(2.239.417.069)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		107.411.978.400	122.967.013.269
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.5	107.411.978.400	122.967.013.269
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		22.165.000.000	22.165.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5.2	15.165.000.000	15.165.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.2	7.000.000.000	7.000.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		27.395.984.694	15.664.252.477
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	27.395.984.694	15.664.252.477
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		732.126.124.644	643.760.175.686

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		358.707.228.521	308.811.270.298
I. Nợ ngắn hạn	310		181.285.907.719	126.287.203.463
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	42.125.928.772	45.979.175.817
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		333.027.533	3.093.379.266
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.10	1.775.926.003	1.263.773.067
4. Phải trả người lao động	314	5.11	12.260.256.000	7.839.768.373
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		1.769.723.995	1.757.870.233
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		1.790.096.660	1.486.111.280
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12	2.826.983.998	1.820.099.015
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.13	104.558.979.601	58.805.901.794
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.14	7.924.000.000	-
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5.920.985.157	4.241.124.618
II. Nợ dài hạn	330		177.421.320.802	182.524.066.835
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.12	17.881.014.325	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.13	159.540.306.477	182.524.066.835
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		373.418.896.123	334.948.905.388
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.15.1	373.418.896.123	334.948.905.388
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		123.479.870.000	123.479.870.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		123.479.870.000	123.479.870.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		74.434.806.545	74.434.806.545
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		128.316.318.434	103.270.951.688
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		7.752.120.803	5.823.245.177
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		39.435.780.341	27.940.031.978
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		2.871.088.723	2.116.862.910
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		36.564.691.618	25.823.169.068
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		732.126.124.644	643.760.175.686



Nguyễn Ngọc Tuấn
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 28 tháng 12 năm 2017.

Huỳnh Ngọc Tuấn
Kế toán trưởng

Vũ Thị Quỳnh Trang
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2016	Năm 2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	421.916.901.563	322.426.198.412
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		421.916.901.563	322.426.198.412
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	287.687.702.202	214.471.703.871
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		134.229.199.361	107.954.494.541
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	3.908.248.828	3.452.019.210
7. Chi phí tài chính	22	6.4	19.747.035.453	9.602.267.184
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		<i>19.485.286.125</i>	<i>9.572.733.069</i>
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	12.338.980.344	13.132.736.803
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	37.494.150.245	35.947.547.204
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		68.557.282.147	52.723.962.560
11. Thu nhập khác	31	6.7	2.744.332.295	10.866.793.877
12. Chi phí khác	32	6.8	1.681.796.987	9.580.452.837
13. Lợi nhuận khác	40		1.062.535.308	1.286.341.040
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		69.619.817.455	54.010.303.600
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	3.632.982.942	3.031.802.964
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		65.986.834.513	50.978.500.636
18. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	70	5.15.3	4.815	3.872
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-



Nguyễn Ngọc Tuấn
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 22 tháng 02 năm 2017

Huỳnh Ngọc Tuấn
Kế toán trưởng

Vũ Thị Quỳnh Trang
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2016	Năm 2015
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		69.619.817.455	54.010.303.600
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	6.9	32.418.895.613	23.663.597.035
Các khoản dự phòng	03		(398.392.369)	239.336.640
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	6.3	(19.866.563)	(51.198.048)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.713.749.727)	(3.406.645.162)
Chi phí lãi vay	06	6.4	19.485.286.125	9.572.733.069
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		117.391.990.534	84.028.127.134
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(7.692.006.103)	1.397.332.262
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		337.123.528	(152.803.454)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		48.788.155.283	29.033.804.137
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(11.906.251.652)	5.407.063.423
Tiền lãi vay đã trả	14		(19.519.111.191)	(9.572.733.069)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	5.10	(3.618.760.467)	(2.376.365.608)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		24.020.000	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(4.869.425.339)	(3.555.201.967)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		118.935.734.593	104.209.222.858
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(84.293.428.983)	(184.489.826.635)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	18.700.000
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		2.787.300.000	1.200.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.738.629.005	4.007.084.051
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(77.767.499.978)	(179.264.042.584)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ (BẢNG THỤ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cáo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Đơn vị tính: VNĐ	
			Nam 2016	Nam 2015
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	7.1	156.066.919.687	251.598.430.537
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	7.2	(133.297.602.238)	(155.298.043.199)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho sở hữu	36		(21.041.617.715)	(21.165.559.350)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		1.727.699.734	75.134.977.983
LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM				
Tiền và tương đương tiền đầu năm	50		42.895.934.349	80.158.257
Tiền và tương đương tiền cuối năm	60		57.423.882.727	57.292.526.422
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		19.866.563	51.193.048
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	5.1	100.339.683.639	57.423.882.727



Nguyễn Ngọc Tuấn
Tổng Giám đốc
Đồng Nai, ngày 22 tháng 12 năm 2017

Huỳnh Ngọc Tuấn
Kế toán trưởng

Vũ Thị Quỳnh Trang
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là một doanh nghiệp Nhà nước. Ngày 24 tháng 08 năm 2005, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600334112 ngày 04 tháng 01 năm 2006 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 19 tháng 03 năm 2016.

Ngày 04 tháng 08 năm 2011, Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 118/2011/QĐ-SGDHCM ngày 04 tháng 08 năm 2011 của Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 26 tháng 10 năm 2011, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Thông báo số 867/2011/TB-SGDHCM ngày 12 tháng 10 năm 2011 của Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn pháp định là 6.000.000.000 VND.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 123.479.870.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia	Tại ngày 31/12/2016		Tại ngày 01/01/2016	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Phát Triển Khu Công Nghiệp	Việt Nam	62.974.800.000	51%	62.974.800.000	51%
Công ty Cổ phần Chứng Khoán Sài Gòn	Việt Nam	24.671.510.000	20%	24.671.510.000	20%
Quỹ Đầu Tư Phát Triển Tỉnh Đồng Nai	Việt Nam	4.625.040.000	4%	4.625.040.000	4%
Các cổ đông khác	Việt Nam	31.208.520.000	25%	31.208.520.000	25%
Cộng		123.479.870.000	100%	123.479.870.000	100%

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 257 nhân viên (31/12/2015: 246 nhân viên).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh dịch vụ cảng biển.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Bốc xếp hàng hóa (Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa cảng biển);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (Chi tiết: Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan);
- Bán buôn nông lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Chi tiết: Bán buôn thóc, ngô và các loại ngũ cốc khác, bán buôn nông, lâm sản, nguyên liệu khác (trừ gỗ, tre, nứa));
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) (Chi tiết: Vận tải hành khách bằng taxi);
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Chi tiết: Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Vận tải hàng hóa đường sắt (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có các công ty liên kết như sau:

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Cảng Long Thành	Cảng Gò Dầu A, Khu Công Nghiệp Gò Dầu, Xã Phước Thái, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	30%	30%	30%
Công ty Cổ phần Dịch Vụ Cảng Đồng Nai	Phường Long Bình Tân, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	45%	45%	45%

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH, KỶ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ

2.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2.2. Giá định về tính hoạt động liên tục

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, các khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn của Công ty là 18.710.301.991 VND. Nguyên nhân chính của việc các khoản nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn là do việc trình bày lại các khoản vay dài hạn đến hạn trả sang ngắn hạn theo quy định. Vào ngày phát hành báo cáo tài chính này không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty tin rằng các chủ đầu tư sẽ không tiếp tục tài trợ cho hoạt động của Công ty trong tương lai. Do vậy, các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 vẫn được soạn thảo trên cơ sở Công ty tiếp tục hoạt động liên tục.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12

2.4. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1. Ngoại tệ

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán:

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn – Hà Nội
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ
- Các loại tỷ giá áp dụng trong giao dịch khác là tỷ giá bán ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

4.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.4. Đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Công ty nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Đầu tư khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính

Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty được yêu cầu trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch theo phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư bằng số vốn đã đầu tư.

Đối với các khoản đầu tư khác

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư khác được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của các khoản đầu tư này giảm xuống thấp hơn giá gốc, việc trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính.

4.5. Các khoản phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản nợ phải thu bao gồm các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được trình bày theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi cân trừ với các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

4.6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 40 năm
▪ Máy móc thiết bị	05 – 10 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 – 10 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 06 năm

Từ năm 2012, Công ty áp dụng phương pháp khấu hao theo khối lượng sản phẩm đối với 02 cầu Liebherr.

4.7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích từ 03 – 06 năm.

Khi thanh lý bán tài sản vô hình, chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản vô hình được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến tiền thuê đất trả trước. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê từ 10 – 40 năm;
- Chi phí mua bảo hiểm được phân bổ trong vòng 1 năm;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn doanh nghiệp không thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được phân bổ;
- Chi phí đào tạo, quảng cáo được phân bổ.

4.9. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua. Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

4.10. Chi phí đi vay

Nguyên tắc vốn hóa chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

4.11. Chi phí phải trả và dự phòng phải trả

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Dự phòng phải trả

Một khoản dự phòng phải trả được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng phải trả không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Dự phòng phải trả được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

4.12. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Theo Nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2016, các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập như sau:

- " Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ: 4%
- " Quỹ đầu tư phát triển: 40%
- " Quỹ chi công tác xã hội: 3%
- " Quỹ khen thưởng phúc lợi: 7%
- " Quỹ khen thưởng Ban Điều Hành: 1%

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.13. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

4.14. Giá vốn

Giá vốn cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ cung cấp trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

4.15. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh trong kỳ chủ yếu là chi phí lãi vay và lỗ tỷ giá hối đoái.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.16. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí quảng cáo, hoa hồng bán hàng.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...), bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí đồ dùng văn phòng, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

4.17. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Ưu đãi, miễn giảm thuế

Công ty được hưởng thuế suất thuế TNDN ưu đãi 10% cho thu nhập từ hoạt động kinh doanh chính (cảng biển) trong thời hạn 12 năm kể từ năm 2009 và được giảm 50% số thuế phải nộp từ hoạt động kinh doanh chính trong thời hạn 8 năm kể từ năm 2009. Chính sách thuế ưu đãi áp dụng đối với Công ty đã được cơ quan thuế chấp nhận trong các biên bản quyết toán thuế gần đây

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Dịch vụ cung cấp cho tàu ngoài nước: 0%
- Thu tiền nước: 5%
- Các dịch vụ khác: 10%

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.18. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

4.19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP TIỀN)

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2016 VNĐ	Tại ngày 01/01/2016 VNĐ
Tiền mặt	143.546.563	439.630.441
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	84.125.208.419	15.410.149.072
Các khoản tương đương tiền	16.070.928.657	41.574.103.214
Cộng	100.339.683.639	57.423.882.727

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng với lãi suất từ 5% - 5.3%/năm.

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết và đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2016			Tại ngày 01/01/2016		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên kết:						
Công ty Cổ phần Cảng Long Thành ^(a)	1.665.000.000	(*)	-	1.665.000.000	(*)	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Đồng Nai ^(b)	13.500.000.000	(*)	-	13.500.000.000	(*)	-
Cộng	15.165.000.000		-	15.165.000.000		-
Đầu tư vào đơn vị khác:						
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức ^(c)	7.000.000.000	(*)	-	7.000.000.000	(*)	-

(a) Khoản đầu tư này chiếm 30% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Cảng Long Thành, một công ty thành lập và hoạt động tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Cảng Long Thành là: kinh doanh khai thác cầu cảng, khai thác kho tàng bến bãi, bốc xếp và vận tải hàng hóa bằng ô tô trong và ngoài cảng và các dịch vụ của ngành hàng hải, dịch vụ sửa chữa phương tiện bốc xếp, vận tải, tàu lai dắt, vận chuyển hàng hóa đường thủy, đường bộ, cung cấp nhiên liệu (xăng, dầu, dầu nhờn các loại), đại lý và dịch vụ khai thác hàng hải.

(b) Khoản đầu tư này chiếm 45% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Đồng Nai, một công ty thành lập và hoạt động tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Đồng Nai là: cho thuê máy móc thiết bị xây dựng, cho thuê container, kho bãi và lưu giữ hàng hóa, xây dựng công trình công nghiệp, đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, đường hầm, neo vét sông.

(c) Khoản đầu tư này chiếm 0,7% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức, một công ty thành lập và hoạt động tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức là cho thuê đất và mặt bằng, tư vấn thiết kế, quy hoạch, lập dự án đầu tư, tư vấn quản lý dự án, giám sát, thẩm định, kiểm định công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, kinh doanh công trình kết cấu hạ tầng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam - Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá.

5.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Lại ngày 31/12/2016 VND	Lại ngày 01/01/2016 VND
Phải thu của khách hàng cung cấp dịch vụ		
Ban Quản Lý Dự Án Tổ Hợp Bauxit - Nhôm Lâm Đồng	7.233.665.693	1.432.378.112
Maersk Line /V/S	6.504.362.000	-
Công ty TNHH Cảng Quốc Tế Tân Cảng - Cái Mèp	4.607.752.500	4.563.900.000
Các khách hàng khác	42.349.588.672	40.632.890.944
Phải thu khách hàng là các bên liên quan -- xem thêm mục 9	88.153.461	86.546.570
Cộng	60.783.522.326	46.715.715.626

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.4. Nợ xấu

	Tại ngày 31/12/2016 VND			Tại ngày 01/01/2016 VND		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	5.032.870.084	3.260.579.899	1.772.290.185	6.930.550.853	3.658.972.268	3.271.578.585
Cộng	<u>5.032.870.084</u>	<u>3.260.579.899</u>	<u>1.772.290.185</u>	<u>6.930.550.853</u>	<u>3.658.972.268</u>	<u>3.271.578.585</u>

Các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.5. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 31/12/2016 VNĐ	Tại ngày 01/01/2016 VNĐ
Chi phí đền bù mở rộng cảng Đồng Nai giai đoạn 2 (9 ha)	60.117.303.525	54.084.309.525
Chi phí đầu tư hạ tầng khu tái định cư	27.054.453.800	27.054.453.800
Chi phí đền bù mở rộng cảng Đồng Nai giai đoạn 2B	17.627.129.536	9.216.173.536
Các dự án khác	2.613.091.539	32.612.076.408
Cộng	107.411.978.400	122.967.013.269

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:						
Tại ngày 01/01/2016	436.201.403.865	56.388.908.233	39.254.807.735	4.029.465.146	2.355.304.077	538.229.869.056
Mua trong năm	-	37.773.880.837	7.632.581.635	2.145.849.682	-	47.552.312.954
Đầu tư XDCB hoàn thành	24.156.403.227	-	-	-	3.239.598.376	27.395.001.603
Giảm khác	(125.120.654)	-	-	-	-	(125.120.654)
Tại ngày 31/12/2016	460.232.686.438	94.162.789.070	46.887.389.370	6.175.314.828	5.594.902.453	613.053.082.159
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 01/01/2016	129.208.828.920	14.610.610.877	22.835.938.009	2.395.624.872	1.127.812.291	170.178.814.969
Khấu hao trong năm	21.067.070.837	5.199.466.861	4.072.597.771	855.706.536	970.935.848	32.165.777.853
Tại ngày 31/12/2016	150.275.899.757	19.810.077.738	26.908.535.780	3.251.331.408	2.098.748.139	202.344.592.822
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 01/01/2016	306.992.574.945	41.778.297.356	16.418.869.726	1.633.840.274	1.227.491.786	368.051.074.087
Tại ngày 31/12/2016	309.956.786.681	74.352.711.332	19.978.853.590	2.923.983.420	3.496.154.314	410.708.489.337

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là 228.105.298.916 VND – xem thêm mục 5.13

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 53.816.631.623 VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm kế toán VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2016	1.818.363.207	789.700.000	2.608.063.207
Mua trong năm	-	1.753.538.107	1.753.538.107
Tại ngày 31/12/2016	1.818.363.207	2.543.238.107	4.361.601.314
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2016	1.818.363.207	421.053.862	2.239.417.069
Khấu hao trong năm	-	253.117.760	253.117.760
Tại ngày 31/12/2016	1.818.363.207	674.171.622	2.492.534.829
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2016	-	368.646.138	368.646.138
Tại ngày 31/12/2016	-	1.869.066.485	1.869.066.485

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.818.363.207 VND.

5.8. Chi phí trả trước

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Ngắn hạn:		
Tiền mua bảo hiểm chờ phân bổ	292.033.051	90.913.620
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	26.599.996
Cộng	292.033.051	117.513.616
Dài hạn:		
Tiền thuê đất trả trước	27.395.984.694	14.768.219.084
Chi phí trả trước dài hạn khác	-	896.033.393
Cộng	27.395.984.694	15.664.252.477

Tiền thuê đất trả trước là khoản tiền Công ty đã ứng ra để đền bù khu đất 3 ha và khu đất 157.544,4 m² số tiền này được căn trừ vào tiền thuê đất hàng năm mà Công ty phải nộp cho Ngân sách nhà nước (Cục thuế Tỉnh Đồng Nai). Ngày 24/09/2015, Cục thuế Tỉnh Đồng Nai có Thông báo số 687/TB.CT.QLCKTTD và 120/TB.CT.QLCKTTD cho phép Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai quy đổi số tiền còn phải căn trừ còn lại tương ứng với thời gian hoàn thành nghĩa vụ nộp tiền thuê đất đến hết thời hạn thuê đất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TẬP THỂ)

5.9. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2016		Tại ngày 01/01/2016	
	VND		VND	
	Giá trị	Nợ có khởi đầu kỳ (tỷ đồng)	Giá trị	Nợ có khởi đầu kỳ (tỷ đồng)
Phải trả cho người bán				
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Bốc Dỡ Bình Khánh	4.630.551.000	4.630.551.000	5.704.586.001	5.704.586.001
Phải trả cho các đối tượng khác	32.342.054.678	32.342.054.678	34.995.441.433	34.995.441.433
Phải trả cho các bên liên quan -- xem thêm mục 9	5.153.323.094	5.153.323.094	5.279.148.383	5.279.148.383
Cộng	42.125.928.772	42.125.928.772	45.979.175.817	45.979.175.817

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.10. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 01/01/2016		Trong năm		Tại ngày 31/12/2016	
	VND		VND		VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	5.442.169.211	-	12.426.605.103	6.449.764.007	-	534.671.885
Thuế thu nhập cá nhân	-	349.044.243	1.954.357.704	2.021.948.128	-	281.453.819
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	914.728.824	3.632.982.942	3.618.760.467	-	928.951.299
Thuế nhà đất và tiền thuê đất, thuế môn bài	-	-	3.625.598.797	3.594.749.797	-	30.849.000
Cộng	5.442.169.211	1.263.773.067	21.639.544.546	15.685.222.399	-	1.775.926.003

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.11. Phải trả người lao động

Là khoản tiền lương còn lại của quỹ lương năm 2016 phải trả cho chủ bộ công nhân viên.

5.12. Phải trả khác

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Ngắn hạn:		
Phải trả về tiền đền bù trạm nước Xã Phước Thái nộp vết lương vào Cảng Gò Dầu	1.373.382.250	1.373.382.250
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	19.713.845	69.753.660
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.433.887.903	376.963.105
Cộng	2.826.983.998	1.820.099.015
Dài hạn:		
Phải trả Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam tiền hỗ trợ giải phóng mặt bằng cho người dân	10.877.057.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.003.957.325	-
Cộng	17.881.014.325	-

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

5.13. Vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2016 VND		Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2016 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	104.558.979.601	104.558.979.601	179.050.680.045	133.297.602.238	58.805.901.794	58.805.901.794
Vay dài hạn	159.540.306.477	159.540.306.477	4.500.000.000	27.483.760.358	182.524.066.835	182.524.066.835
Tổng cộng	264.099.286.078	264.099.286.078	183.550.680.045	160.781.362.596	241.329.968.629	241.329.968.629

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất	VND	
			31/12/2016	01/01/2016
<i>Vay ngắn hạn</i>				
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	VND	6,3%/năm	13.647.436.744	15.630.095.309 (a)
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	VND	5,5% - 6,3%/năm	37.975.965.075	11.219.526.243 (b)
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	VND	5,67%/năm	25.881.317.382	- (c)
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>				
Quý Đầu Tư Phát Triển	VND	7% - 7,5%/năm	12.546.000.000	19.075.000.000 (d)
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	VND	8,5%/năm	5.824.800.000	5.824.800.000 (e)
Ngân hàng TMCP Phương Đông	VND	8,13% - 8,63%/năm	5.503.460.400	4.343.980.242 (f)
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	VND	8,7%/năm	3.180.000.000	2.712.500.000 (g)
Cộng			104.558.979.601	58.805.901.794

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất	31/12/2016	VND 01/01/2016
<i>Khoản vay dài hạn</i>				
Quỹ Đầu Tư Phát Triển	VND	7% - 7,5%/năm	72.764.109.247	85.310.109.247 (d)
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	VND	8,5%/năm	19.400.847.961	25.225.647.961 (e)
Ngân hàng TMCP Phương Đông	VND	8,13% - 8,63%/năm	42.239.015.936	47.742.476.294 (f)
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	VND	8,7%/năm	25.136.333.333	24.245.833.333 (g)
Cộng			159.540.306.477	182.524.066.835

Thông tin về tài sản cầm cố, thế chấp đảm bảo cho các khoản vay như sau:

- (a) Khoản vay được đảm bảo bằng:
- = Xe cầu Lima 700TC-02 (01 chiếc);
 - = Xe cầu bánh lốp P&H 670TC (01 chiếc);
 - = Cầu trục bánh lốp Halla American 5530 (01 chiếc);
- (Theo hợp đồng thế chấp tài sản số 58/12/VCB.BH)
- (b) Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (c) Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (d) Khoản vay được đảm bảo bằng:
- = Bến tàu 30.000 DWT;
 - = Cầu cảng LBT bến 2000 tấn;
 - = Cầu cảng LBT bến 5000 tấn;
 - = Cầu nổi 2 khu vực;
 - = Nâng cấp bến 2000 lên 5000 DWT;
- (Hợp đồng thế chấp tài sản số 23/2013/HĐTC-TD ngày 09/12/2013)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

- 2 cầu Libebherr (Hợp đồng thế chấp tài sản số 33/2014/HĐTC-TD ngày 24/12/2014).
 - 01 xe Toyota Altis 60V 9433;
 - 01 xe Inova 60S-4612;
 - 01 máy đào bánh xích 60XA-0660.
 - 01 máy đào bánh xích 60XA-0659;
 - 01 trạm cân 80T-GDB;
 - 01 xe nâng container 45 tấn hiệu Kalmar Reachstacker.
- (Hợp đồng thế chấp tài sản số 47/2012/HĐTC-TD ngày 25/12/2012 và tài sản hình thành sau đầu tư).

(e) Khoản vay được đảm bảo bằng:

- Toàn bộ công trình xây dựng trên đất và tài sản đầu tư trên đất, khoản tiền, bảo hiểm đối với tài sản của dự án nâng cấp mở rộng cầu cảng số 2 (bến sà lan 3.000 DWT) tại Phường Long Bình Tân, Đồng Nai (Theo hợp đồng thế chấp số 094/14/VCB.BH);
- Chân đế trụ cầu thuộc công trình bến sà lan 3.000 DWT tại phường Long Bình Tân;
- 01 cầu bờ cố định 40T/30M-Macgregor GL4030-2;
- (Theo hợp đồng thế chấp số 211/14/VCB.BH)
- Công trình đồng bộ - nhà kho CFS diện tích 5.250m² (thuộc dự án mở rộng Cảng Đồng Nai giai đoạn 2 tại Phường Long Bình Tân, Biên Hòa, Đồng Nai) (Theo hợp đồng thế chấp số 054.13); (Theo hợp đồng thế chấp tài sản số 58/12/VCB.BH).

(f) Khoản vay được đảm bảo bằng:

- Quyền sử dụng đất hình thành trong tương lai từ dự án mở rộng Cảng Đồng Nai giai đoạn 2B tại Phường Long Bình Tân, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai với diện tích 55.288m² (Hợp đồng thế chấp tài sản số 0145/2015/BĐ);
- Thửa đất số 575/TLBV dự án đầu tư mở rộng Cảng Đồng Nai tại Phường Long Bình Tân, diện tích 91.843m² (Hợp đồng thế chấp tài sản số 197/2014/BĐ).

(g) Khoản vay được đảm bảo bằng tất cả các khoản lợi thu được từ việc kinh doanh, khai thác giá trị quyền sử dụng đất hoặc hạ tầng kỹ thuật trên đất, các khoản lợi thu được từ việc kinh doanh, khai thác bãi hoặc hạ tầng kỹ thuật trên bãi, quyền nhận tiền từ hợp đồng, quyền đòi nợ, quyền được nhận số tiền bảo hiểm, quyền nhận các khoản tiền bồi thường phạt vi phạm,... và tất cả các quyền và lợi ích phát sinh từ hợp đồng thuê quyền sử dụng đất 157.544,4 m² tại xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai và bãi cấp phối sỏi đá 7,15ha và 2,17ha thuộc dự án Cảng Gò Dầu B giai đoạn 2 tại Xã Phước Thái, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai (Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/CĐN/2015/HĐTC).

Giá trị còn lại của các khoản tài sản cầm cố thế chấp là 228.105.298.916 VND – xem thêm mục 5.6.

5.14. Dự phòng phải trả

Là khoản trích quỹ dự phòng tiền lương cho năm 2017 được tính trên 17% quỹ tiền lương thực hiện của năm 2016.

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.15. Vốn chủ sở hữu

5.15.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	
Tại ngày 01/01/2015	123.479.870.000	74.434.806.545	60.754.975.893	4.016.866.105	50.352.575.167	313.039.093.710
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	50.978.500.636	50.978.500.636
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	42.515.975.795	-	(42.515.975.795)	-
Trích quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	1.806.379.072	(1.806.379.072)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(6.322.326.754)	(6.322.326.754)
Trích quỹ chi công tác xã hội	-	-	-	-	(1.354.784.304)	(1.354.784.304)
Trích quỹ khen thưởng ban điều hành	-	-	-	-	(400.000.000)	(400.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(20.991.577.900)	(20.991.577.900)
Tại ngày 01/01/2016	123.479.870.000	74.434.806.545	103.270.951.688	5.823.245.177	27.940.031.978	334.948.905.388
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	65.986.834.513	65.986.834.513
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	25.040.121.613	-	(25.040.121.613)	-
Trích quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	1.928.875.626	(1.928.875.626)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(4.596.390.251)	(4.596.390.251)
Trích quỹ chi công tác xã hội	-	-	-	-	(1.446.656.720)	(1.446.656.720)
Trích quỹ khen thưởng ban điều hành	-	-	-	-	(482.218.907)	(482.218.907)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(20.991.577.900)	(20.991.577.900)
Tăng/(giảm) khác	-	-	5.245.133	-	(5.245.133)	-
Tại ngày 31/12/2016	123.479.870.000	74.434.806.545	128.316.318.434	7.752.120.803	39.435.780.341	373.418.896.123

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.15.2. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	12.347.987	12.347.987
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	12.347.987	12.347.987
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	12.347.987	12.347.987

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

5.15.3. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	59.461.568.635	47.817.337.259
Tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm	12.347.987	12.347.987
Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	4.815	3.872

5.15.4. Cổ tức

Căn cứ theo Nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông Thường Niên năm 2016 ngày 15 tháng 03 năm 2016 thì tỷ lệ chia cổ tức là 17% trên vốn điều lệ.

5.15.5. Các quỹ của doanh nghiệp

	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND
Tại ngày 01/01/2016	103.270.951.688	5.823.245.177
Trích trong năm	25.045.366.746	1.928.875.626
Chi trong năm	-	-
Tại ngày 31/12/2016	128.316.318.434	7.752.120.803

5.16. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016
USD	49.950,06	560.490,98

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

6.1. Doanh thu cung cấp dịch vụ

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	420.361.264.851	320.650.057.275
Doanh thu đối với các bên liên quan – xem thêm mục 9	1.555.636.712	1.776.141.137
Cộng	421.916.901.563	322.426.198.412

6.2. Giá vốn

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	287.687.702.202	214.471.703.871

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.661.537.500	1.851.537.500
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.052.212.227	1.536.407.662
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	174.632.538	12.876.000
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	19.866.563	51.198.048
Cộng	3.908.248.828	3.452.019.210

6.4. Chi phí tài chính

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí lãi vay	19.485.286.125	9.572.733.069
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	261.749.328	29.534.115
Cộng	19.747.035.453	9.602.267.184

6.5. Chi phí bán hàng

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nhân viên	3.166.583.953	2.612.661.846
Chi phí bằng tiền khác	9.172.396.391	10.520.074.957
Cộng	12.338.980.344	13.132.736.803

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nhân viên quản lý	17.251.621.568	14.364.219.973
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.293.642.941	5.062.956.171
Thuế, phí, lệ phí	3.549.488.365	3.130.867.637
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(398.392.369)	239.336.640
Các khoản chi phí quản lý khác	12.797.789.740	13.150.166.783
Cộng	37.494.150.245	35.947.547.204

6.7. Thu nhập khác

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Thu tiền phạt, tiền bồi thường	1.289.442.571	10.516.911.275
Phí chia sẻ ứng cứu tràn dầu	178.000.000	42.000.000
Thu nhập khác	1.276.889.724	307.882.602
Cộng	2.744.332.295	10.866.793.877

6.8. Chi phí khác

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí sửa chữa tài sản bị hỏng	625.655.909	9.415.252.302
Các khoản bị phạt	42.602.647	63.035.701
Các khoản khác	1.013.538.431	102.164.834
Cộng	1.681.796.987	9.580.452.837

6.9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.208.699.910	7.493.764.539
Chi phí nhân công	65.430.654.122	48.172.536.703
Chi phí khấu hao tài sản cố định	32.418.895.613	23.663.597.035
Chi phí dịch vụ mua ngoài	202.758.861.135	165.213.796.692
Chi phí khác bằng tiền	29.703.722.011	19.008.292.909
Cộng	337.520.832.791	263.551.987.878

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

6.10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	69.619.817.455	54.010.303.600
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	1.680.367.836	3.433.068.058
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(2.661.537.500)	(1.851.537.500)
Thu nhập tính thuế	68.638.647.791	55.591.834.158
Trong đó:		
<i>Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính chịu thuế suất ưu đãi 10%</i>	67.333.278.329	54.108.238.535
<i>Thu nhập tính thuế từ hoạt động khác chịu thuế suất phổ thông</i>	1.305.369.462	1.483.595.623
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	6.733.327.833	5.410.823.854
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động khác	261.073.892	326.391.037
Trừ: Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính được giảm 50% số thuế phải nộp trong 8 năm từ năm 2009	(3.366.663.917)	(2.705.411.927)
Điều chỉnh thuế TNDN năm trước	5.245.134	-
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	3.632.982.942	3.031.802.964

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế.

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

7.1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	156.066.919.687	251.598.580.532

7.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	133.297.602.238	155.298.043.199

8. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh vì Công ty chỉ có hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ cảng biển và báo cáo tài chính đã phản ánh đầy đủ các thông tin theo lĩnh vực kinh doanh.

Công ty không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Công ty chủ yếu là dịch vụ cảng biển tại khu vực Đồng Nai, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

9. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

<u>Danh sách các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Tổng Công ty Cổ phần Phát Triển Khu Công Nghiệp	Công ty mẹ
2. Công ty Cổ phần Cảng Long Thành	Công ty liên kết
3. Công ty Cổ phần Dịch Vụ Cảng Đồng Nai	Công ty liên kết
4. Các công ty con, công ty liên kết thuộc Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu Công nghiệp	Công ty cùng tập đoàn
5. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Phải thu:		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Đồng Nai	88.153.461	49.300.790
Công ty Cổ phần Cảng Long Thành	-	37.245.780
Cộng – xem thêm mục 5.3	88.153.461	86.546.570
	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Phải trả:		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Đồng Nai	(4.928.956.204)	(5.129.117.692)
Công ty Cổ phần Cảng Long Thành	(71.504.430)	-
Các công ty cùng tập đoàn	(152.862.460)	(150.030.691)
Cộng – xem thêm mục 5.9	(5.153.323.094)	(5.279.148.383)

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Cung cấp dịch vụ:		
Công ty Cổ phần Cảng Long Thành	610.645.140	617.533.687
Công ty Cổ phần Dịch Vụ Cảng Đồng Nai	944.991.572	1.158.607.450
Cộng – xem thêm mục 6.1	1.555.636.712	1.776.141.137

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Mua dịch vụ:		
Công ty Cổ phần Dịch Vụ Cảng Đồng Nai	41.311.459.162	27.812.462.958
Công ty Cổ phần Cảng Long Thành	257.879.700	409.881.510
Các công ty cùng tập đoàn	1.777.612.120	1.728.690.820
Cộng	43.346.950.982	29.951.035.288

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Thù lao và thu nhập	3.670.215.486	2.869.009.800

10. THU NHẬP CỦA BAN KIỂM SOÁT

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tiền lương và thù lao	457.025.760	287.885.060

11. CAM KẾT VỐN

Các cam kết về chi tiêu tạo lập tài sản cố định đã ký hợp đồng tại ngày lập bảng cân đối kế toán nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính như sau:

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Nhà cửa, nhà xưởng, máy móc, thiết bị và xây dựng bãi cấp phối sỏi đá.	25.549.999.999	31.208.636.053

12. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



Nguyễn Ngọc Tuấn
Tổng Giám đốc
Đồng Nai, ngày 12 tháng 12 năm 2017


Huỳnh Ngọc Tuấn
Kế toán trưởng


Vũ Thị Quỳnh Trang
Người lập



IR Award
2016

DNNY ĐẠT CHUẨN CÔNG BỐ THÔNG TIN

HOSE: PDN



MAI THỊ LINH ĐÀ
Tổng thư ký Hiệp hội VAFE



PHẠM THỊ THANH NGÀ
Chủ tịch CTCP Tài Việt

